



Implemented by

giz Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ) GmbH



Dự án “Hỗ trợ thực hiện Hiệp định đối tác tự nguyện VPA/FLEGT tại Việt Nam”

ĐÁNH GIÁ TÍNH SẴN SÀNG VẬN HÀNH CỦA HỆ THỐNG BẢO ĐẢM GỠ HỢP PHÁP VIỆT NAM (VNTLAS)



Xuất bản bởi

Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ) GmbH

Thay mặt

Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển (BMZ), CHLB Đức

Văn phòng đăng ký

Bonn và Eschborn, Đức

Dự án

Hỗ trợ thực hiện Hiệp định đối tác tự nguyện VPA/FLEGT tại Việt Nam

Thời gian xuất bản

Tháng 8 năm 2024

Tác giả

Jussi Rooperti Lounasvuori

Nguyễn Tường Vân

Chịu trách nhiệm

Anja Barth – Cố vấn trưởng dự án

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Những nội dung, diễn giải, các kết quả phân tích, và các khuyến nghị trong cuốn sách này dựa trên những thông tin thu thập bởi GIZ, tư vấn, đối tác của GIZ và những người cung cấp tin và dữ liệu, và không nhất thiết phải đại diện cho quan điểm của GIZ hay BMZ.

GIZ và từ chối chịu trách nhiệm pháp lý đối với việc sử dụng tài liệu này và các thông tin được cung cấp trong tài liệu bởi các cá nhân và tổ chức khác, cũng như bất kỳ tổn thất nào là kết quả của hành động đó.

Mục lục

Danh mục từ viết tắt	4
Danh mục bảng biểu	5
Danh mục hình vẽ	5
TÓM TẮT BÁO CÁO	6
1. GIỚI THIỆU	9
2. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI ĐÁNH GIÁ	10
3. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	10
3.1 Tiêu chí đánh giá	10
3.2 Thu thập thông tin	12
3.3 Đánh giá việc thực hiện và áp dụng Hệ thống VNTLAS	14
3.4 Đánh giá tính hiệu quả và tính tin cậy của Hệ thống VNTLAS	14
4. CÁC BƯỚC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ	15
4.1 Lập kế hoạch	15
4.2 Thu thập thông tin và trình bày sơ bộ kết quả đánh giá	15
4.3 Báo cáo	16
5. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	17
5.1 Tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu vào Việt Nam	17
5.2 Phân loại rủi ro	28
5.3 Kiểm soát và xác minh chuỗi cung ứng gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu tại Việt Nam	33
5.4 Cấp phép FLEGT	39
5.5 Năng lực và các hệ thống quản lý của Cơ quan xác minh và các chủ thể xác minh	42
6. KẾT LUẬN	49
Phụ lục 1. Nội dung đánh giá	51
Phụ lục 2. Chương trình làm việc	60

Danh mục từ viết tắt

CITES	Công ước về buôn bán quốc tế các loài động thực vật hoang dã nguy cấp
EC	Ủy ban Châu Âu
ECS	Hệ thống phân loại doanh nghiệp
EFI	Viện Lâm nghiệp Châu Âu
EU	Liên minh Châu Âu
EUDR	Quy định không gây mất rừng của Liên minh Châu Âu
FPD	Cục Kiểm lâm
FLEGT	Thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản
GIZ	Tổ chức hợp tác quốc tế Đức
HS	Hệ thống hài hòa
JIC	Ủy ban thực thi chung
LD	Định nghĩa gỗ hợp pháp
TLAS	Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp
MARD	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
OCS	Hệ thống phân loại tổ chức
PEFC	Chương trình chứng nhận chứng chỉ rừng
SVLK	Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Indonesia
TWG	Tổ công tác kỹ thuật
UNODC	Cơ quan phòng chống ma túy và tội phạm của Liên hợp quốc
VNTLAS	Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam
VPA	Hiệp định đối tác tự nguyện
WCO	Tổ chức hải quan thế giới
WGI	Chỉ số quản trị toàn cầu

Danh mục bảng biểu

Bảng 1. Tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu vào Việt Nam	19
Bảng 2. Phân loại rủi ro	30
Bảng 3. Kiểm soát và xác minh chuỗi cung ứng của gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu tại Việt Nam	35
Bảng 4. Cấp phép FLEGT	40
Bảng 5. Năng lực và các hệ thống quản lý của Cơ quan xác minh và các chủ thể xác minh	43

Danh mục hình vẽ

Hình 1. Bảng kê khai để phán ánh rõ hơn quy trình thực hiện trách nhiệm giải trình	27
--	----

TÓM TẮT BÁO CÁO

Việt Nam và EU đã ký Hiệp định đối tác tự nguyện về thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản (VPA/FLEGT), Hiệp định này có hiệu lực từ ngày 1/6/2019. Đây là hiệp định thương mại có tính ràng buộc pháp lý nhằm tăng cường quản trị rừng và thực thi luật lâm nghiệp, đồng thời thông qua cơ chế cấp phép FLEGT, góp phần đảm bảo gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu từ Việt Nam vào thị trường EU được sản xuất và thương mại hợp pháp.

Trọng tâm của Hiệp định VPA/FLEGT là Hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp Việt Nam (VNTLAS), Hệ thống được xây dựng dựa trên các quy định pháp luật liên quan đến từng giai đoạn của chuỗi cung ứng gỗ, gồm khai thác, nhập khẩu, vận chuyển, chế biến, mua bán và xuất khẩu. Các nguồn gốc gỗ được kiểm soát bởi Hệ thống VNTLAS bao gồm: (i) gỗ rừng tự nhiên trong nước, (ii) gỗ rừng trồng tập trung trong nước, (iii) gỗ vườn nhà, trang trại và cây trồng phân tán, (iv) gỗ cao su, (v) gỗ sau xử lý tịch thu và (vi) gỗ nhập khẩu.

Phạm vi của đánh giá này là đánh giá tính sẵn sàng vận hành của Hệ thống VNTLAS đối với kiểm soát và xác minh (i) gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu vào Việt Nam và (ii) chuỗi cung ứng gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu tại Việt Nam cho đến điểm xuất khẩu. Mục tiêu của đánh giá là thông báo cho các bên về nhu cầu cần củng cố Hệ thống VNTLAS và giúp các bên chuẩn bị cho đánh giá toàn diện tính sẵn sàng vận hành của Hệ thống VNTLAS. Các bên tham gia Hiệp định VPA/FLEGT, Việt Nam và EU, sẽ sử dụng kết quả của đánh giá toàn diện tính sẵn sàng vận hành để ra quyết định xem liệu các biện pháp hỗ trợ cơ chế cấp phép FLEGT có được thực hiện đầy đủ không.

Đánh giá này được thực hiện dựa trên các câu hỏi đánh giá được lựa chọn trong Phụ lục VII của Hiệp định VPA/FLEGT về Tiêu chí đánh giá tính sẵn sàng vận hành của Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam. Cùng với Phụ lục VII, Phụ lục V của Hiệp định VPA/FLEGT về Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam và các văn bản quy phạm pháp luật quy định việc triển khai thực hiện Hệ thống VNTLAS cũng được sử dụng làm tiêu chí đánh giá. Đánh giá này dựa trên bằng chứng nhằm phân tích một cách khách quan về việc kiểm soát và xác minh gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu có được thực hiện và áp dụng theo các yêu cầu của Hệ thống VNTLAS hay không. Đồng thời, nhằm đánh giá tính hiệu quả và tính tin cậy của chức năng kiểm soát và xác minh của Hệ thống VNTLAS.

Đánh giá được lập kế hoạch thực hiện từ tháng 3/2024, quá trình thu thập thông tin về việc triển khai thực hiện và áp dụng Hệ thống VNTLAS được thực hiện vào nửa cuối tháng 4/2024. Thông tin được thu thập từ các cơ quan kiểm lâm và cơ quan hải quan cấp trung

ương, cấp tỉnh và cấp địa phương, từ các doanh nghiệp nhập khẩu, chế biến, thương mại gỗ và sản phẩm gỗ tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Đồng Nai. Dự thảo báo cáo đánh giá được xây dựng trong tháng 5/2024 và báo cáo cuối cùng hoàn thành trong tháng 8/2024.

Các phát hiện trong quá trình đánh giá chứng minh rõ ràng rằng Việt Nam đã có những nỗ lực đáng kể trong việc thực hiện kiểm soát và xác minh tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ có nguồn gốc nhập khẩu. Các doanh nghiệp nhập khẩu nhận thức được trách nhiệm của mình trong việc lập Bảng kê khai về tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu vào Việt Nam và đính kèm Bảng kê khai này vào hồ sơ hải quan. Các cơ quan hải quan cửa khẩu yêu cầu một cách có hệ thống rằng mỗi lô hàng gỗ và sản phẩm gỗ đều phải có Bảng kê khai.

Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp nhập khẩu dường như thiếu kiến thức về cách thức thực hiện trách nhiệm giải trình tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ và ghi kết quả thực hiện trách nhiệm giải trình vào Bảng kê khai. Ngoài ra, các doanh nghiệp nhập khẩu cũng cho rằng mẫu kê khai có thể chưa được cấu trúc rõ ràng cho mục đích báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm giải trình cần thiết để cung cấp thông tin về việc tuân thủ quy định pháp luật ở quốc gia khai thác về (1) quyền khai thác, (2) các hoạt động lâm nghiệp, bao gồm quản lý rừng, chế biến gỗ và các quy định về lao động và môi trường, (3) thuế và các loại phí và (4) thương mại và hải quan. Rõ ràng là các doanh nghiệp nhập khẩu cần có thêm thông tin và hướng dẫn về quy trình thực hiện trách nhiệm giải trình, bao gồm: (i) thu thập thông tin, (ii) đánh giá rủi ro và (iii) giảm thiểu rủi ro.

Kết quả đánh giá cho thấy các cơ quan hải quan cửa khẩu ~~dường như~~ kiểm tra một cách có hệ thống để xem Bảng kê khai có nêu rõ tình trạng rủi ro của lô hàng, tức là lô hàng có bao gồm các loài rủi ro thấp và nước xuất khẩu có thuộc vùng địa lý rủi ro thấp hay không. Tuy nhiên, do quy định trong Nghị định số 102/2020/NĐ-CP và hướng dẫn không rõ ràng từ Tổng cục Lâm nghiệp (VNFOREST) và Cục Kiểm lâm (FPD) về việc thực hiện và áp dụng Nghị định số 102/2020/NĐ-CP nên các cơ quan hải quan cửa khẩu đã làm thủ tục thông quan các lô hàng gỗ nhập khẩu vào Việt Nam mà không có thông tin về quốc gia khai thác, thông tin về việc thực hiện trách nhiệm giải trình, đây là những thông tin cần phải có trong mỗi bảng kê khai, và bằng chứng phù hợp về tính hợp pháp (tài liệu bổ sung) trong trường hợp gỗ và sản phẩm gỗ được khai thác từ vùng địa lý rủi ro cao. Kết luận rằng cơ quan hải quan sẽ cần phải có quy định rõ ràng và phù hợp với VPA/FLEGT để chấp nhận nội dung căn bản của Bảng kê khai chứng minh việc thực hiện trách nhiệm giải trình, và cán bộ hải quan cũng cần đào tạo, tập huấn thêm về kiểm tra Bảng kê khai và việc thực

hiện trách nhiệm giải trình. Phải thừa nhận rằng cán bộ hải quan kiểm tra Bảng kê khai trong bối cảnh các quy trình, thủ tục hải quan thông thường được kỳ vọng là nhanh chóng và hiệu quả, đây có thể không phải là bối cảnh lý tưởng để có sự xác minh tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ một cách kỹ lưỡng và tốn thời gian.

Sau khi thông quan, chuỗi cung ứng gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu được kiểm soát và xác minh tương tự như chuỗi cung ứng gỗ từ các nguồn trong nước. Doanh nghiệp lập bảng kê lâm sản cho từng giai đoạn mua bán và vận chuyển gỗ và sản phẩm gỗ, và kiểm soát tại khâu chế biến gỗ và sản phẩm gỗ thông qua sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản và các báo cáo liên quan nộp cho cơ quan kiểm lâm sở tại. Tuy nhiên, việc quản lý dòng gỗ tại các cơ sở chế biến cần có những yêu cầu mang tính hệ thống hơn để đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc đáng tin cậy trong quá trình nhập kho nguyên liệu, chế biến và lưu kho sản phẩm gỗ đã chế biến.

Các doanh nghiệp xuất khẩu cần phải xác định quốc gia khai thác trong hồ sơ gỗ xin cấp phép FLEGT. Bảng kê lâm sản ban đầu và Bảng kê khai (trong hồ sơ nhập khẩu) có chứa thông tin về nguồn gốc sẽ được sao lưu cho từng người mua trong chuỗi cung. Nhiều doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu được khảo sát trong quá trình thực hiện đánh giá đã có sẵn nguồn thông tin cần thiết, tuy nhiên cũng có một số doanh nghiệp chế biến không có bản sao bảng kê lâm sản ban đầu và Bảng kê khai.

Như đã đề cập ở trên, đánh giá này đã xác định một số lĩnh vực phát triển mang tính hệ thống, việc giải quyết các lĩnh vực này trong quá trình sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật được kỳ vọng sẽ nâng cao tính hiệu quả và độ tin cậy của Hệ thống VNTLAS. Ngoài các vấn đề liên quan đến trách nhiệm giải trình, cần xem xét lại trách nhiệm thể chế trong xác minh và xác nhận Bảng kê khai. Bên cạnh đó, việc thử nghiệm xác minh xuất khẩu đối với gỗ và sản phẩm gỗ và cấp phép FLEGT dự kiến sẽ cần nhắc đưa các lĩnh vực bổ sung vào quá trình hoàn thiện quy định pháp luật và quy trình, thủ tục kiểm soát và xác minh chuỗi cung ứng gỗ và sản phẩm gỗ, cũng như quá trình đề nghị và cấp phép FLEGT.

1. GIỚI THIỆU

Khai thác gỗ bất hợp pháp là vấn đề phổ biến được quốc tế quan tâm, gây ra mối đe dọa đáng kể đối với rừng và góp phần gây ra nạn phá rừng và suy thoái rừng. Liên minh Châu Âu (EU) cam kết ngăn chặn việc sử dụng gỗ được sản xuất bất hợp pháp thông qua thực hiện Kế hoạch hành động về thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản (FLEGT) nhằm đặt ra quy trình và các biện pháp giải quyết vấn đề khai thác và thương mại gỗ bất hợp pháp. Trong khuôn khổ Kế hoạch hành động về FLEGT, Việt Nam và EU đã ký Hiệp định đối tác tự nguyện vào ngày 19/10/2018, Hiệp định này có hiệu lực từ ngày 1/6/2019. Đây là hiệp định thương mại ràng buộc về mặt pháp lý nhằm tăng cường quản trị rừng và thực thi pháp luật và, thông qua cơ chế cấp phép FLEGT, đảm bảo rằng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu từ Việt Nam sang thị trường EU được sản xuất và thương mại hợp pháp.

Trọng tâm của Hiệp định đối tác tự nguyện giữa Việt Nam và EU là xây dựng Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (VNTLAS) dựa trên các quy định pháp luật liên quan đến từng giai đoạn của chuỗi cung ứng gỗ và sản phẩm gỗ, gồm khai thác, nhập khẩu, vận chuyển, chế biến, mua bán và xuất khẩu. Hiệp định xác định Hệ thống VNTLAS gồm 7 cấu phần sau:

1. Định nghĩa gỗ hợp pháp (LD): Tổ chức và Hộ gia đình,
2. Tạo lập, xác minh và phê duyệt bằng chứng tại tất cả các giai đoạn của chuỗi cung ứng,
3. Hệ thống phân loại tổ chức (OCS) và xác minh dựa trên rủi ro,
4. Kiểm soát chuỗi cung ứng,
5. Cấp phép FLEGT,
6. Thanh tra, kiểm tra nội bộ và cơ chế khiếu nại, phản hồi, và
7. Đánh giá độc lập.

Các nguồn gốc gỗ được kiểm soát bởi Hệ thống VNTLAS bao gồm: (i) gỗ rừng tự nhiên trong nước, (ii) gỗ rừng trồng tập trung trong nước, (iii) gỗ vườn nhà, trang trại và cây trồng phân tán, (iv) gỗ cao su, (v) gỗ sau xử lý tịch thu và (vi) gỗ nhập khẩu.

2. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI ĐÁNH GIÁ

Đánh giá này sẽ là bước đầu tiên hướng tới đánh giá toàn diện tính sẵn sàng vận hành của Hệ thống VNTLAS, trên cơ sở đó các bên Việt Nam và EU sẽ quyết định xem các biện pháp hỗ trợ cơ chế cấp phép FLEGT có được thực hiện đầy đủ không. Ngoài ra, đánh giá này cũng sẽ thông báo cho các bên về nhu cầu cần củng cố Hệ thống VNTLAS và giúp các bên chuẩn bị cho đánh giá toàn diện tính sẵn sàng vận hành của Hệ thống VNTLAS.

Phạm vi của nhiệm vụ này là đánh giá tính sẵn sàng vận hành của Hệ thống VNTLAS đối với kiểm soát và xác minh (i) gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu vào Việt Nam và (ii) chuỗi cung ứng gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu tại Việt Nam cho đến điểm xuất khẩu. Trách nhiệm, hoạt động, nguồn lực và hệ thống của Cơ quan xác minh và các chủ thể xác minh khác được giới hạn ở những trách nhiệm, hoạt động, nguồn lực liên quan trực tiếp đến nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, chế biến và thương mại (bao gồm xuất khẩu) gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu.

Về phạm vi sản phẩm, nhiệm vụ này tập trung vào gỗ và sản phẩm gỗ có mã HS 4403, 4406 và 4407 (gỗ nguyên liệu, ví dụ như gỗ tròn, gỗ xẻ) và các sản phẩm khác có mã HS thuộc Chương 44 và 94 như được quy định trong Hiệp định VPA/FLEGT (sản phẩm gỗ hỗn hợp).

3. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

3.1 Tiêu chí đánh giá

Đánh giá này được thực hiện dựa trên các câu hỏi đánh giá được lựa chọn trong Phụ lục VII của Hiệp định VPA/FLEGT về Tiêu chí đánh giá tính sẵn sàng vận hành của Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam:

- 2.4.1: Việc nhập khẩu gỗ hợp pháp được phản ánh như thế nào trong chuỗi cung ứng?
- 2.4.2: Việc truy xuất nguồn gốc gỗ nhập khẩu được đảm bảo như thế nào? Loại gỗ này có thể được xác minh trong suốt chuỗi cung ứng không?
- 2.4.3: Trong trường hợp gỗ nhập khẩu được sử dụng, quốc gia khai thác, bao gồm quốc gia khai thác từng bộ phận của sản phẩm gỗ hỗn hợp, có thể được xác định trên giấy phép FLEGT không, kể cả các thành phần của chúng trong sản phẩm gỗ hỗn hợp?

- 2.4.4: Cần có bằng chứng gì để chứng minh gỗ nhập khẩu được sản xuất hợp pháp tại quốc gia khai thác?
- 2.4.5: Bản kê khai nguồn gốc gỗ nhập khẩu có khả thi không? Bản kê khai đó có thể ghi chép việc thực hiện trách nhiệm giải trình của nhà nhập khẩu không, bao gồm các tài liệu về nguồn gốc tại quốc gia khai thác, phân tích rủi ro bất hợp pháp, và các biện pháp giảm thiểu tương ứng, nếu có?
- 2.4.6: Các quy trình thực hiện các tiêu chí phân loại rủi ro theo loài và theo vùng địa lý đối với gỗ nhập khẩu có khả thi không?
- 2.4.7: Hải quan và cơ quan kiểm lâm có được chuẩn bị cho việc thực hiện hiệu quả bản kê khai nguồn gốc gỗ nhập khẩu không?
- 2.4.8: Hệ thống phân loại rủi ro trong Hệ thống VNTLAS để đánh giá tính hợp pháp của gỗ nhập khẩu có khả thi và hiệu quả không?
- 2.4.9: Cơ chế điều phối giữa các chủ thể xác minh có được thực hiện đầy đủ để đảm bảo chỉ có gỗ hợp pháp được nhập khẩu vào Việt Nam hay không? Các chủ thể xác minh có đủ nguồn lực không?
- 3.1.1: Chính phủ giao cho một hay nhiều cơ quan thực hiện nhiệm vụ xác minh? Thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan này có được xác định rõ ràng và công khai không?
- 3.1.2: Các chủ thể xác minh (bao gồm Cơ quan xác minh và các chủ thể xác minh khác) tham gia vào Hệ thống VNTLAS có đủ nguồn lực để thực hiện xác minh theo định nghĩa gỗ hợp pháp và có các hệ thống kiểm soát chuỗi cung ứng không?
- 3.1.3: Cơ quan kiểm lâm các cấp có đủ nguồn lực phù hợp để thực hiện xác minh tính hợp pháp của gỗ hay không?
- 3.1.4: Các chủ thể xác minh có hệ thống quản lý đáp ứng các yêu cầu sau đây không?
 - 3.1.4.1: Các chủ thể xác minh có thẩm quyền thực hiện kiểm tra hiện trường theo yêu cầu để đảm bảo tính hiệu quả và độ tin cậy của hệ thống không?
 - 3.1.4.2: Các chủ thể xác minh có đủ nguồn lực thực hiện kiểm tra hiện trường theo yêu cầu để đảm bảo tính hiệu quả và tin cậy của hệ thống không?
 - 3.1.4.3: Nhân sự có đầy đủ kỹ năng và kinh nghiệm cần thiết đảm bảo việc xác minh có hiệu quả không?

- 3.1.4.4: Thanh tra, kiểm tra, kiểm soát nội bộ có được tài liệu hóa không?
- 3.1.4.5: Thanh tra, kiểm tra, kiểm soát nội bộ có được áp dụng không?
- 3.1.4.6: Thanh tra, kiểm tra, kiểm soát nội bộ có đảm bảo hệ thống này thực hiện chức năng một cách đầy đủ không?
- 3.1.4.7: Có cơ chế kiểm soát xung đột lợi ích không?
- 3.1.4.8: Tính minh bạch của hệ thống theo quy định của Hiệp định này có được đảm bảo không?
- 3.1.4.9: Hệ thống quản lý khiếu nại có thể được tiếp cận công khai không?
- 3.1.4.10: Các phương pháp xác minh có được xây dựng và áp dụng không?
- 3.1.4.11: Nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể xác minh có rõ ràng và được công bố rộng rãi không?

Cùng với các câu hỏi đánh giá nêu trên, Phụ lục V của Hiệp định VPA/FLEGT về Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (VNTLAS), Nghị định số 102/2020/NĐ-CP quy định Hệ thống VNTLAS, Nghị định số 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp; và Nghị định số 84/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP, Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT quy định về phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ và Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản đặt ra yêu cầu về kiểm soát và xác minh gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu và chuỗi cung ứng gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu. Nếu có sự không thống nhất giữa Phụ lục V của Hiệp định VPA/FLEGT và văn bản pháp luật trong nước có liên quan thì Phụ lục V của Hiệp định VPA/FLEGT sẽ được lấy làm căn cứ cho đánh giá này.

3.2 Thu thập thông tin

Thông tin liên quan đến triển khai thực hiện và áp dụng Hệ thống VNTLAS được thu thập thông qua (a) rà soát tài liệu và hồ sơ, (b) kiểm tra cơ sở dữ liệu và hồ sơ lưu trữ, (c) quan sát các hoạt động kiểm soát và xác minh và (d) phỏng vấn Cơ quan xác minh và các chủ thể xác minh khác, cũng như các doanh nghiệp nhập khẩu, chế biến và thương mại. Cần lưu ý rằng quan điểm của những người được phỏng vấn không được coi là bằng chứng khách quan mà cần có thêm “quan sát thực tế” để chứng minh các quan điểm đó trước khi sử dụng làm bằng chứng cho việc triển khai thực hiện và áp dụng một yêu cầu cụ thể của Hệ thống VNTLAS.

Việc thu thập thông tin chủ yếu nhằm vào chức năng xác minh của Hệ thống VNTLAS (phê duyệt và xác minh các bằng chứng liên quan đến kiểm soát chuỗi cung ứng). Các khía cạnh chính cần hiểu gồm:

- Các chủ thể xác minh đã giám sát các doanh nghiệp nhập khẩu, chế biến và thương mại gỗ và sản phẩm gỗ như thế nào,
- Việc sử dụng các hệ thống thông tin (ví dụ như các cơ sở dữ liệu, lưu trữ hồ sơ gỗ và báo cáo tổng hợp đầu vào – đầu ra) để xác minh và duy trì hồ sơ xác minh đầy đủ,
- Việc áp dụng các hệ thống quản lý nội bộ, bao gồm quy trình, thủ tục, phương pháp và các cơ chế khác để đảm bảo việc xác minh, và
- Sự đầy đủ về nhân lực và các nguồn lực khác để thực hiện việc xác minh.

Thông tin được thu thập từ các chủ thể xác minh sau:

- Cục Kiểm lâm (FPD)
- Cơ quan kiểm lâm cấp tỉnh và địa phương
- Tổng cục Hải quan
- Cơ quan hải quan cửa khẩu

Thông tin cũng được thu thập từ các doanh nghiệp nhập khẩu, chế biến và thương mại. Các khía cạnh chính cần hiểu gồm:

- Mức độ hiểu biết của các doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân và các tổ chức khác về các yêu cầu của Hệ thống VNTLAS đối với kiểm soát tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu, và mức độ áp dụng các yêu cầu đó trên thực tế (ví dụ như thực hiện trách nhiệm giải trình, các loại rủi ro cao/các nước rủi ro thấp, sử dụng và hoàn thiện các mẫu và hồ sơ kê khai theo yêu cầu của tờ khai nhập khẩu),
- Mức độ hiểu biết của các doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân về các yêu cầu của Hệ thống VNTLAS đối với kiểm soát chuỗi cung ứng gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu trong các giai đoạn vận chuyển, chế biến và mua bán, và mức độ áp dụng các yêu cầu đó trên thực tế, và
- Xác định mẫu các doanh nghiệp như thế nào (đưa ra các dấu hiệu về việc áp dụng chức năng xác minh một cách hệ thống)

Dựa trên các câu hỏi đánh giá (xem Mục 3.1), một danh mục các nội dung đánh giá đã được chuẩn bị để hỗ trợ việc thu thập thông tin (chỉ sử dụng nội bộ). Các nội dung đánh giá

được trình bày dưới dạng không phải câu hỏi, và đã được điều chỉnh phù hợp, phạm vi của các nội dung đánh giá cũng được mở rộng để bao gồm tất cả các lĩnh vực liên quan của đánh giá tính sẵn sàng vận hành. Mỗi nội dung đánh giá (tiêu chí) được kèm theo với một hoặc một vài chỉ số. Danh mục các nội dung đánh giá được trình bày tại Phụ lục 1.

3.3 Đánh giá việc thực hiện và áp dụng Hệ thống VNTLAS

Việc thực hiện và áp dụng các yêu cầu liên quan của Hệ thống VNTLAS được đánh giá dựa trên thông tin thu thập được từ Cơ quan xác minh, các chủ thể xác minh khác và các doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân:

- Việc thực hiện đề cập đến sự hiện có của các quy định pháp luật về các yêu cầu và cơ chế của Hệ thống hoặc các cơ cấu khác được đưa ra để các chủ thể xác minh thực hiện việc xác minh và các doanh nghiệp/tổ chức tuân thủ các yêu cầu của Hệ thống.
- Việc áp dụng đề cập đến hoạt động của Hệ thống VNTLAS, đặc biệt là chức năng xác minh của Hệ thống, và sự tuân thủ của các doanh nghiệp/tổ chức với các yêu cầu của Hệ thống VNTLAS.

Dựa trên thông tin sẵn có, kết quả đánh giá sẽ được thể hiện dưới dạng **đã được thực hiện và áp dụng, khoảng trống trong quá trình thực hiện và/hoặc áp dụng** hoặc **không thể đánh giá**.

3.4 Đánh giá tính hiệu quả và tính tin cậy của Hệ thống VNTLAS

Đánh giá tính hiệu quả và tính tin cậy đưa ra quan điểm chuyên môn về việc liệu Hệ thống VNTLAS có được thiết kế và áp dụng để (i) đảm bảo đầy đủ tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu vào Việt Nam, (ii) xác minh tính toàn vẹn của chuỗi cung ứng gỗ nhập khẩu và (iii) xác định nguồn gốc gỗ, đặc biệt là quốc gia khai thác, trong toàn bộ chuỗi cung ứng tại Việt Nam. Mục tiêu của việc đánh giá này là nhằm phản ánh xem liệu Hệ thống VNTLAS có thể được xem xét trên thị trường quốc tế trong việc đảm bảo đầy đủ tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu có nguồn gốc không phải từ Việt Nam.

4. CÁC BƯỚC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

4.1 Lập kế hoạch

Việc đánh giá được lập kế hoạch vào tháng 3/2024 và được trình bày cho Cục Kiểm lâm trước khi khởi động quá trình thu thập thông tin tại Việt Nam. Phương pháp đánh giá và kế hoạch làm việc đã được hoàn thiện dựa trên ý kiến góp ý từ Cục Kiểm lâm, Tổ chức hợp tác quốc tế Đức GIZ và Viện Lâm nghiệp Châu Âu (EFI).

Trước khi tiến hành thu thập thông tin tại Việt Nam, các thành viên nhóm tư vấn thực hiện đánh giá đã nghiên cứu chi tiết phần mô tả chi tiết về Hệ thống VNTLAS (Phụ lục V của Hiệp định VPA/FLEGT) cũng như các nghị định, thông tư liên quan đến triển khai thực hiện Hệ thống VNTLAS.

Các bước thực hiện đánh giá, bao gồm Lập kế hoạch (Mục 4.1), Thu thập thông tin tại Việt Nam (Mục 4.2) và Báo cáo (Mục 4.3), được chi tiết tại Phụ lục 2.

4.2 Thu thập thông tin và trình bày sơ bộ kết quả đánh giá

Thông tin về việc triển khai và áp dụng Hệ thống VNTLAS được thu thập trong thời gian hai tuần cuối tháng 4/2024. Quá trình đánh giá tại Việt Nam bắt đầu với cuộc họp khởi động, trong đó phương pháp đánh giá và kế hoạch làm việc đã được thảo luận với các bên liên quan chính, và kết thúc bằng cuộc họp tổng kết, trong đó trình bày các phát hiện chính cho các bên liên quan.

Sau cuộc họp khởi động, các điểm thảo luận sau đã được đưa vào hoạt động thu thập thông tin và xây dựng báo cáo đánh giá:

- Kết quả đánh giá không được báo cáo bởi các doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân hoặc các cơ quan chính phủ.
- Khi cần thiết, các yêu cầu của Hệ thống sẽ được giải thích và các kết quả đánh giá có liên quan sẽ được trình bày cho từng bên liên quan trong giai đoạn thu thập thông tin.
- Kiểm soát và xác minh là trách nhiệm của các chủ thể xác minh, khu vực tư nhân có trách nhiệm và nghĩa vụ áp dụng Hệ thống VNTLAS (khía cạnh thuật ngữ)
- Nếu có thể, phát hiện trong quá trình đánh giá về việc không tuân thủ (khoảng trống) cần phải rõ ràng theo cách trực tiếp hoặc gián tiếp đưa ra hướng dẫn cho các hành động cần thực hiện.

- Bài học kinh nghiệm/các bước tiếp theo được trình bày trong phần kết luận của báo cáo.

4.3 Báo cáo

Cấu trúc của dự thảo báo cáo đánh giá được xây dựng dựa trên phương pháp đánh giá và kế hoạch thực hiện, và kết quả đánh giá được tổng hợp từ thông tin thu thập trong quá trình đi thực địa. Những góp ý nhận được trong cuộc họp tổng kết sẽ được xem xét khi xây dựng dự thảo báo cáo. Đại diện của Cục Kiểm lâm đã trao đổi tại cuộc họp tổng kết rằng:

- Báo cáo đánh giá về các quốc gia thuộc vùng địa lý tích cực (rủi ro thấp) đã có.
- Mẫu bảng kê khai đã được chỉnh sửa và hợp nhất với bảng kê lâm sản.
- Cách sử dụng Bảng kê khai sẽ được hướng dẫn.
- Còn nhiều thách thức trong việc kiểm soát đầu vào và đầu ra của các cơ sở chế biến gỗ.
- Bảng kê lâm sản được sử dụng để truy xuất nguồn gốc; bảng kê lâm sản ban đầu được tham chiếu trong mỗi bảng kê lâm sản ở giai đoạn tiếp theo.
- Truy xuất nguồn gốc để cấp phép FLEGT được quy định rõ ràng trong Nghị định số 102/2020/NĐ-CP.
- Vẫn cần nâng cao năng lực; vai trò của của các nhóm đa ngành được nhấn mạnh.
- Phải thừa nhận rằng không thể hoàn toàn tránh khỏi có những sai sót.
- Cần tuân thủ Phụ lục VII của Hiệp định VPA/FLEGT trong quá trình đánh giá; bằng chứng về gỗ hợp pháp được quy định tại Phụ lục VII của Hiệp định VPA/FLEGT.
- Cần có lộ trình cho những bước tiếp theo.

Đại diện của EFI đưa ra bốn điểm chính:

- Mẫu bảng kê khai nguồn gốc gỗ nhập khẩu thiếu rõ ràng.
- Phương pháp xây dựng danh sách các quốc gia thuộc vùng địa lý tích cực không được chia sẻ với Ủy ban thực thi chung (JIC).
- Có thể có những thay đổi trong Hiệp định VPA/FLEGT, ví dụ như các loài thuộc CITES có thể không cần đưa vào danh sách các loài rủi ro cao.

- Liên quan đến các thảo luận về truy xuất nguồn gốc, Việt Nam có thể xem xét mở rộng việc kiểm soát tính hợp pháp của Hệ thống VNTLAS bằng cách bổ sung định vị địa lý của các nguồn gỗ. Việc này sẽ giúp các doanh nghiệp tuân thủ yêu cầu trong Quy định của EU về các sản phẩm không gây mất rừng (EUDR).

Nhóm đánh giá đã hoàn thiện dự thảo báo cáo trên cơ sở xem xét ý kiến góp ý của Cục Kiểm lâm, GIZ và EFI.

5. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

5.1 Tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu vào Việt Nam

Các doanh nghiệp nhập khẩu có ba phương thức để chứng minh tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu vào Việt Nam: giấy phép CITES hợp lệ, giấy phép FLEGT hợp lệ hoặc thực hiện trách nhiệm giải trình. Quy trình thực hiện trách nhiệm giải trình bao gồm (i) thu thập thông tin, (ii) đánh giá rủi ro và (iii) giảm thiểu mọi rủi ro được xác định. Tính hợp pháp có nghĩa là tuân thủ quy định pháp luật hiện hành có liên quan ở quốc gia khai thác liên quan đến các lĩnh vực sau:

- Quyền khai thác: việc trao quyền hợp pháp để khai thác gỗ, bao gồm việc tuân thủ pháp luật và quy trình, thủ tục về giao đất giao rừng, quyền sử dụng đất và sử dụng rừng,
- Các hoạt động lâm nghiệp: tuân thủ quy định pháp luật về quản lý rừng và chế biến gỗ, bao gồm tuân thủ quy định pháp luật về môi trường và lao động,
- Thuế và các loại phí: tuân thủ quy định pháp luật về thuế, các loại phí và lệ phí có liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác và chế biến gỗ, và
- Thương mại và hải quan: tuân thủ quy định pháp luật về thương mại và thủ tục hải quan.

Trách nhiệm giải trình do các doanh nghiệp nhập khẩu thực hiện sẽ được tài liệu hóa thông qua Bảng kê khai. Bảng kê khai được áp dụng cho tất cả các lô hàng gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu vào Việt Nam mà không có giấy phép CITES hoặc giấy phép FLEGT. Doanh nghiệp nhập khẩu kê khai loài rủi ro và vùng địa lý rủi ro khi chuẩn bị Bảng kê khai; nếu gỗ hoặc sản phẩm gỗ đến từ vùng địa lý rủi ro thấp và không thuộc loài rủi ro thì doanh nghiệp nhập khẩu không cần xuất trình “tài liệu bổ sung” để chứng minh tính hợp pháp trong Bảng kê khai nhưng doanh nghiệp vẫn phải chứng minh rằng đã thực hiện trách nhiệm giải trình.

Bảng kê khai (Mục C. Tài liệu bổ sung) xác định các chứng chỉ được cấp dựa trên các hệ thống chứng chỉ tự nguyện và chứng chỉ quốc gia được Hệ thống VNTLAS công nhận là bằng chứng về tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu. Theo Phụ lục V của Hiệp định VPA/FLEGT (Mục 2.3), các hệ thống chứng chỉ được xem là bằng chứng bổ sung cho việc xác minh gỗ nhập khẩu dựa trên rủi ro.

Phụ lục V yêu cầu rằng Việt Nam sẽ đánh giá các hệ thống chứng chỉ tự nguyện và chứng chỉ quốc gia theo phương pháp đã được JIC chấp thuận, quyết định danh sách chứng chỉ và chia sẻ thông tin với JIC. Danh sách các hệ thống chứng chỉ được Hệ thống VNTLAS công nhận sẽ được đánh giá lại, cập nhật và thông báo cho JIC trong quá trình thực hiện.

Cơ quan hải quan cửa khẩu xác minh rằng các doanh nghiệp nhập khẩu đã thực hiện trách nhiệm giải trình và đã lập Bảng kê khai cho từng lô hàng gỗ và sản phẩm gốc. Cơ quan hải quan cửa khẩu áp dụng hệ thống quản lý rủi ro để xác định mức độ kiểm tra tờ khai hải quan (hồ sơ nhập khẩu) và yêu cầu kiểm tra thực tế hàng hóa.

Cơ quan hải quan cửa khẩu cần phải phối hợp với cơ quan kiểm lâm trong việc xác minh gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu.

Bảng 1. Tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu vào Việt Nam

TIÊU CHÍ	PHÁT HIỆN TRONG QUÁ TRÌNH ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	NHẬN XÉT
2.4.4 Bảng chứng cần thiết để chứng minh gỗ nhập khẩu được sản xuất hợp pháp tại quốc gia khai thác	<p>Trách nhiệm của Chính phủ Việt Nam và cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp</p> <p>Giấy phép CITES, giấy phép FLEGT và Bảng kê khai chứng minh việc thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy định của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP là biện pháp chứng minh tính hợp pháp của gỗ nhập khẩu.</p> <p>Theo quy định của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP, tất cả các loài thuộc Phụ lục I và Phụ lục II của CITES phải có giấy phép nhập khẩu do Cơ quan thẩm quyền CITES Việt Nam cấp.</p>	Đã được thực hiện	Các khía cạnh áp dụng và nội dung của thực hiện trách nhiệm giải trình được đề cập tại các tiêu chí 2.4.5/2.4.7/2.4.8
	Giấy phép CITES và giấy phép FLEGT dựa trên quy định pháp luật quốc gia và hệ thống quản lý hiện hành thường được chấp nhận là bằng chứng đầy đủ về tính hợp pháp trên thị trường quốc tế.	Được thiết kế một cách hiệu quả và tin cậy	-
	Bảng kê khai thể hiện việc thực hiện trách nhiệm giải trình nhằm chứng minh tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu vào Việt Nam phù hợp với thông lệ quốc tế nhằm giảm thiểu rủi ro mua hàng hóa bất hợp pháp.		Tính hiệu quả và tính tin cậy của việc thực hiện trách nhiệm giải trình được đề cập tại các tiêu chí 2.4.5/2.4.7/2.4.8
2.4.8 Thực hiện kiểm soát và xác minh tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu thông qua giấy phép CITES	<p>Trách nhiệm của doanh nghiệp nhập khẩu</p> <p>Doanh nghiệp nhập khẩu các loài thuộc CITES (Phụ lục I và Phụ lục II) nộp đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu lên Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam. Đính kèm đơn đề nghị cấp phép là giấy</p>	Đã được thực hiện và áp dụng một cách hiệu quả và tin cậy	-

	<p>phép xuất khẩu hoặc tái xuất khẩu các loài CITES tương ứng.</p> <p>Trách nhiệm của Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam</p> <p>Trước khi cấp giấy phép nhập khẩu, Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam xác minh tính xác thực của giấy phép xuất khẩu hoặc tái xuất các loài CITES với Cơ quan thẩm quyền CITES của quốc gia xuất khẩu thông qua thư điện tử (email). Đối với giấy phép CITES điện tử, tính xác thực của giấy phép được xác minh thông qua Trao đổi thông tin giấy phép điện tử (EPIXs).</p> <p>Qua trao đổi, Cơ quan thẩm quyền CITES cho biết hàng năm có khoảng 2.000 lô hàng có chứa gỗ thuộc loài CITES nhập khẩu vào Việt Nam.</p> <p>Trách nhiệm của cơ quan hải quan</p> <p>Cơ quan hải quan cũng có sẵn các quy trình, thủ tục để kiểm tra các lô hàng có chứa loài thuộc CITES có kèm theo giấy phép CITES hay không. Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của hải quan (hệ thống hải quan điện tử) cho phép nhập thông tin của giấy phép CITES.</p>		
2.4.8 Thực hiện kiểm soát và xác minh tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu thông qua giấy phép FLEGT	<p>Trách nhiệm của Chính phủ Việt Nam và cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp</p> <p>Việt Nam chưa đưa ra quyết định chấp nhận giấy V-Legal (tương tự như giấy phép FLEGT) làm bằng chứng về tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ từ Indonesia.</p> <p>Thông tin từ SILK (hệ thống quản lý thông tin của hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp của Indonesia,</p>	Chưa được thực hiện hoặc áp dụng	Thay vì áp dụng phương án Bảng kê khai, giấy V-Legal có thể được sử dụng làm bằng chứng chứng minh tính hợp pháp của sản phẩm gỗ của Indonesia thuộc phạm vi của hệ thống TLAS quốc gia (SVLK).

	SVLK) và các nguồn thông tin công khai khác chứng minh rằng gỗ và sản phẩm gỗ của Indonesia được nhập khẩu vào Việt Nam.		
2.4.5/2.4.7/2.4.8 Thực hiện kiểm soát và xác minh tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu thông qua bảng kê khai thể hiện việc thực hiện trách nhiệm giải trình	<p>Trách nhiệm của Chính phủ Việt Nam và cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp</p> <p>Theo quy trình thực hiện kê khai, doanh nghiệp nhập khẩu phải thực hiện trách nhiệm giải trình đối với gỗ và sản phẩm gỗ không có giấy phép CITES hoặc giấy phép FLEGT. Doanh nghiệp nhập khẩu được cung cấp một mẫu Bảng kê khai tiêu chuẩn, bao gồm các mục về (i) mô tả lô hàng, (ii) tình trạng rủi ro của lô hàng, (iii) tài liệu bổ sung trong trường hợp rủi ro cao và (iv) các biện pháp bổ sung để giảm thiểu rủi ro.</p> <p>Cơ quan hải quan cửa khẩu có sẵn các quy trình, thủ tục để kiểm tra lô hàng gỗ và sản phẩm gỗ có kèm theo Bảng kê khai (hoặc giấy phép CITES) hay không. Hệ thống xử lý thông tin điện tử của hải quan (hệ thống hải quan điện tử) cho phép nhập thông tin của Bảng kê khai.</p>	Đã được thực hiện	Khả năng áp dụng mẫu Bảng kê khai thực hiện trách nhiệm giải trình được đề cập phía dưới.
	<p>Trách nhiệm của Chính phủ Việt Nam và cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp</p> <p>Tại Phiên họp JIC-4 vào ngày 1/12/2021, các bên nhất trí thành lập Tổ công tác kỹ thuật (TWG) để xây dựng các yêu cầu của Hệ thống VNTLAS và phương pháp đánh giá các hệ thống chứng chỉ. Các yêu cầu của Hệ thống VNTLAS và phương pháp đánh giá đã được trình bày tại Phiên họp JIC-6 vào ngày 30/1/2024 và đã được JIC-6 thông qua. GIZ đã hỗ trợ thực hiện đánh giá này.</p>	Khoảng trống trong quá trình thực hiện	Các yêu cầu của Hệ thống VNTLAS, cách tiếp cận và phương pháp đánh giá được TWG xây dựng và JIC phê duyệt phải được áp dụng để xây dựng danh sách các hệ thống chứng chỉ tự nguyện và chứng chỉ quốc gia được công nhận để sử dụng làm bằng chứng bổ sung trong quá trình

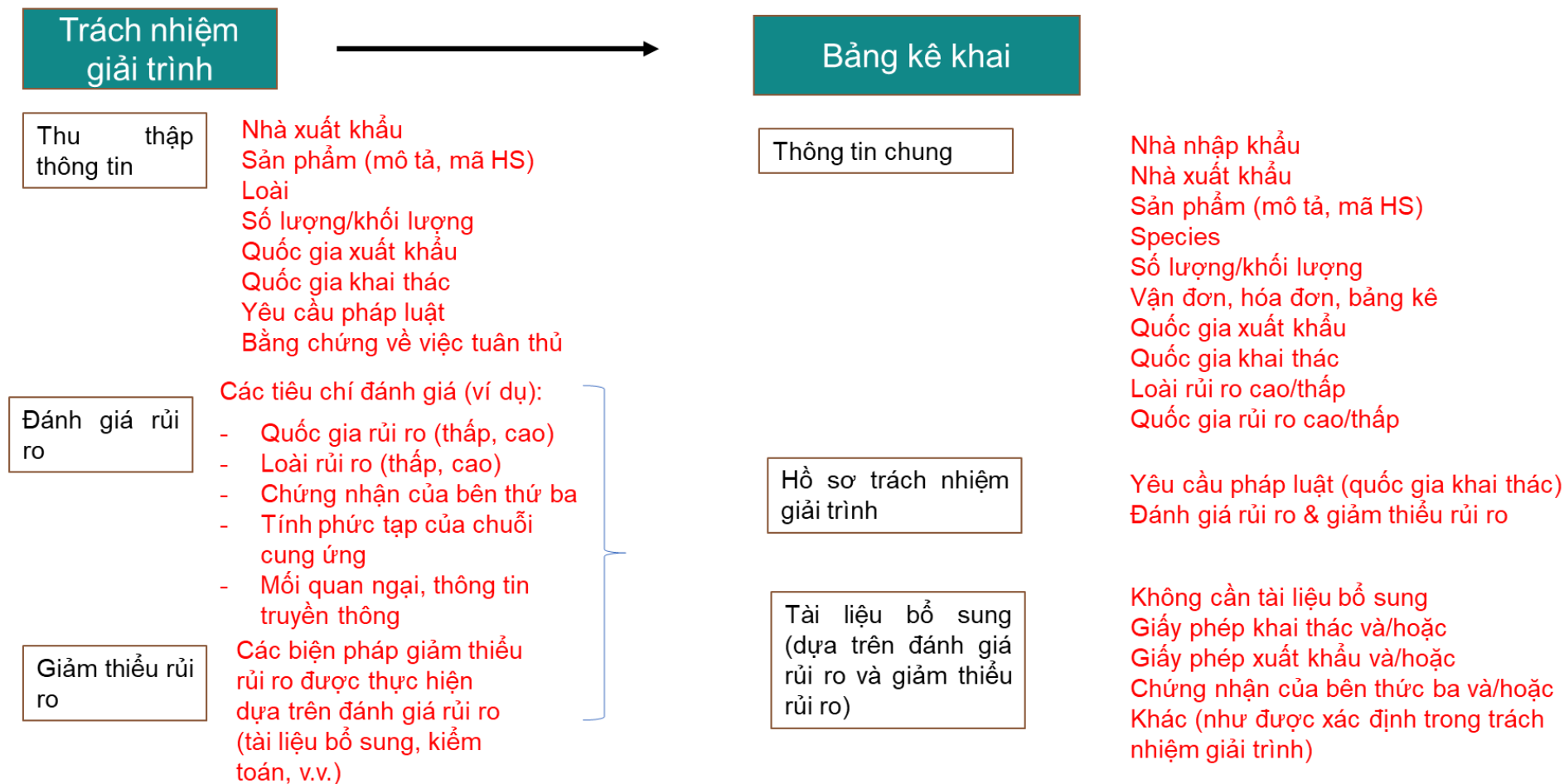
	<p>Ngày 5/1/2021, Tổng cục Lâm nghiệp đã ban hành Văn bản số 09/TCLN-KL hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị định số 102/2020/NĐ-CP và đã gửi cho Tổng cục Hải quan. Văn bản số 09/TCLN-KL đưa ra danh sách 46 quốc gia là thành viên của hệ thống PEFC và thông báo rằng Hệ thống VNTLAS công nhận chứng chỉ PEFC của 46 quốc gia này. Do đó, Việt Nam không thể đánh giá hệ thống chứng chỉ PEFC dựa trên các yêu cầu của VNTLAS đã được JIC phê duyệt.</p>		<p>thực hiện trách nhiệm giải trình.</p>
	<p>Trách nhiệm của doanh nghiệp nhập khẩu Tất cả các doanh nghiệp nhập khẩu đến khảo sát trong quá trình đánh giá đều áp dụng Bảng kê khai một cách có hệ thống, trong khi vẫn chưa rõ liệu các nhà cung cấp gỗ (doanh nghiệp nhập khẩu) cho các doanh nghiệp sản xuất tại các làng nghề gỗ có thực hiện trách nhiệm giải trình một cách có hệ thống và lập bảng kê khai hay không (tất cả hồ sơ nhập khẩu của các doanh nghiệp sản xuất tại các làng nghề gỗ được kiểm tra đều không có Bảng kê khai. Tuy nhiên, khi đơn vị thương mại nhập khẩu gỗ, có thể họ có Bảng kê khai theo yêu cầu nhưng không chia sẻ với các doanh nghiệp sản xuất tại các làng nghề gỗ).</p> <p>Việc thực hiện trách nhiệm giải trình không được ghi lại trong bất kỳ Bảng kê khai nào được kiểm tra trong quá trình đánh giá.</p> <p>Có một vài sai sót trong các Bảng kê khai được kiểm tra:</p>	<p>Khoảng trống trong quá trình áp dụng</p>	<p>Khoảng trống trong quá trình áp dụng Bảng kê khai cho thấy cần phải có hướng dẫn và phổ biến thông tin chi tiết hơn cho các doanh nghiệp nhập khẩu. Hệ thống VNTLAS chỉ hướng dẫn hạn chế về việc thực hiện trách nhiệm giải trình. Cụ thể là cần có thêm nhiều hướng dẫn hơn về đánh giá rủi ro và sử dụng các tiêu chí đánh giá rủi ro.</p> <p>Mẫu bảng kê khai có vẻ khó hiểu, đặc biệt là tiêu đề của Mục D đề cập đến các biện pháp giảm thiểu. Mẫu bảng kê khai không theo trình tự logic của quá trình thực hiện trách nhiệm giải trình. Sẽ rất tốt nếu điều chỉnh lại mẫu bảng kê</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Mục A: Không phải lúc nào cũng ghi quốc gia khai thác (một phần là do Công văn của Cục Kiểm lâm gửi Tổng cục Hải quan nêu rõ rằng nếu sản phẩm đến từ quốc gia thuộc vùng địa lý tích cực thì chỉ cần khai báo quốc gia xuất khẩu) - Mục B: Không phải lúc nào doanh nghiệp nhập khẩu cũng có thể biết quốc gia khai thác và/hoặc loài có rủi ro thấp hay không (cán bộ hải quan thay mặt doanh nghiệp nhập khẩu đánh dấu vào các ô) - Mục C để trống một cách chính xác trong trường hợp vùng địa lý và loài có rủi ro thấp. Trong các trường hợp khác, tài liệu bổ sung bị thiếu hoặc chứng nhận xuất xứ và giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật bị sử dụng sai làm tài liệu bổ sung. - Mục D để trống trong các Bảng kê khai được kiểm tra (một phần là do Công văn của Cục Kiểm lâm gửi Tổng cục Hải quan nêu rõ rằng không cần điền vào Mục D đối với gỗ và sản phẩm gỗ đến từ vùng địa lý rủi ro thấp) 		<p>khai để phản ánh rõ hơn quy trình thực hiện trách nhiệm giải trình (xem Hình 1).</p>
	<p>Trách nhiệm của cơ quan hải quan Cơ quan hải quan cửa khẩu áp dụng hệ thống quản lý rủi ro để xác định mức độ kiểm tra tờ khai hải quan (hồ sơ nhập khẩu) và kiểm tra thực tế hàng hóa. Gỗ và sản phẩm gỗ chỉ thuộc “luồng vàng” và “luồng đỏ”, dẫn đến việc kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa. Gỗ và sản phẩm gỗ không thuộc “luồng xanh” do luôn được coi là rủi ro (khai báo sai</p>	<p>Đã được thực hiện và áp dụng</p>	<p>-</p>

	<p>loài cây, đặc biệt là loài thuộc CITES, nỗ lực nhập khẩu các hàng hóa khác, ví dụ như ngà voi được giấu trong sản phẩm gỗ là các vụ vi phạm phổ biến được các cơ quan hải quan cửa khẩu phát hiện).</p>		
	<p>Trách nhiệm của cơ quan hải quan Các phát hiện trong quá trình thực hiện đánh giá cho thấy các cơ quan hải quan cửa khẩu đã có quy trình, thủ tục để kiểm tra một cách có hệ thống xem gỗ và sản phẩm gỗ có giấy phép CITES hoặc có Bảng kê khai hay không. Ngoài ra, các cơ quan hải quan cửa khẩu kiểm tra xem quốc gia xuất khẩu và tình trạng rủi ro của lô hàng nhập khẩu có chính xác trên Bảng kê khai hay không. Tuy nhiên, quốc gia khai thác rõ ràng không được yêu cầu một cách hệ thống do Tổng cục Lâm nghiệp và Cục Kiểm lâm đã hướng dẫn cơ quan hải quan chỉ kiểm tra quốc gia xuất khẩu nếu sản phẩm gỗ đến từ vùng địa lý tích cực (Công văn số 655/TCLN-KL ngày 24/5/2021), điều này có thể dẫn đến những trường hợp tình trạng rủi ro không chính xác. Dựa trên phát hiện trong quá trình đánh giá, việc xác minh tuân thủ đối với Mục C và Mục D của Bảng kê khai rõ ràng là chưa đầy đủ (xem các phát hiện liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp nhập khẩu phía trên). Rõ ràng rằng Cục Kiểm lâm không đưa ra hướng dẫn đầy đủ, rõ ràng cho cơ quan hải quan (ví dụ như thông qua văn bản chính thức) để cơ quan hải quan yêu cầu hồ sơ thực hiện trách nhiệm giải trình trong Bảng kê khai.</p>	<p>Khoảng trống trong quá trình áp dụng</p>	<p>Có một áp lực chung là phải đẩy nhanh quy trình thông quan hải quan, điều này có thể mâu thuẫn với mục tiêu xác minh việc thực hiện trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp nhập khẩu. Do việc xác minh thực hiện trách nhiệm giải trình và Bảng kê khai đòi hỏi phải có kiến thức chuyên môn nên cần xem xét việc thành lập một bộ phận xác minh riêng với những cán bộ có kỹ năng để xác minh Bảng kê khai trước khi đưa vào hồ sơ nhập khẩu (tương tự như quy trình của cơ quan kiểm dịch thực vật để kiểm soát giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật hoặc quy trình của Cơ quan thẩm quyền CITES để cấp giấy phép nhập khẩu đối với loài CITES). Khi đó, cán bộ hải quan chỉ có trách nhiệm kiểm tra xem Bảng kê khai đã được bộ</p>

			phận xác minh này kiểm duyệt hay chưa.
	<p>Các bên tham gia Hiệp định VPA/FLEGT cần xem xét</p> <p>Như đã đề cập ở trên, mẫu bảng kê khai không hướng dẫn rõ ràng cho doanh nghiệp nhập khẩu ghi lại kết quả thực hiện trách nhiệm giải trình và giao nhiệm vụ cho cơ quan hải quan cửa khẩu xác minh tính đầy đủ của trách nhiệm giải trình do doanh nghiệp nhập khẩu thực hiện mang lại thách thức cho cán bộ không có kiến thức nền tảng vững chắc trong ngành lâm nghiệp toàn cầu.</p> <p>Đối với “Tài liệu bổ sung” trong Mục C của mẫu bảng kê khai, giấy phép khai thác hầu như không thể hiện sự tuân thủ các vấn đề đã được thống nhất về tính hợp pháp tại quốc gia khai thác (xem Mục 6.3.7.1 Phụ lục V của Hiệp định VPA/FLEGT). Thay vì dựa vào một bằng chứng về tính hợp pháp duy nhất đã được xác định trước (giấy phép khai thác) thì sẽ hiệu quả hơn nếu yêu cầu doanh nghiệp nhập khẩu xác định các bằng chứng về tính hợp pháp cần thiết khi thực hiện trách nhiệm giải trình.</p> <p>Chứng chỉ được coi là bằng chứng hiệu quả về việc tuân thủ (các hệ thống chứng chỉ được Hệ thống VNTLAS công nhận).</p>	Có thể cải thiện tính hiệu quả và tính tin cậy	Xem nhận xét phía trên. Hình 1 đưa ra một số ý tưởng về việc thực hiện trách nhiệm giải trình và cách thức sử dụng kết quả thực hiện trách nhiệm giải trình để xác định bằng chứng hợp pháp trong trường hợp tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu vào Việt Nam không thể được chứng minh bằng chứng chỉ được cấp trong khuôn khổ hệ thống chứng chỉ được Hệ thống VNTLAS công nhận.
2.4.9 Sự phối hợp giữa Cục Kiểm lâm và cơ quan hải quan	<p>Trách nhiệm của cơ quan kiểm lâm và cơ quan hải quan</p> <p>Thông qua văn bản chính thức và các cuộc họp đa ngành, Cục Kiểm lâm thông báo cho cơ quan hải quan về các yêu cầu đối với trách nhiệm giải trình</p>	Đã được thực hiện (và áp dụng)	Hiện đã có cơ chế phối hợp. Sự phối hợp dường như không bao gồm xác minh việc thực hiện trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp nhập

	<p>và các khía cạnh khác của việc thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT. Ở cấp thực thi, cơ quan hải quan cửa khẩu và cơ quan kiểm lâm sở tại phối hợp theo yêu cầu (ví dụ văn bản yêu cầu kiểm tra thực tế gỗ, giải quyết các trường hợp nghi ngờ có rủi ro và tập huấn về xác định các loài cây).</p>		<p>khẩu (điều này không được yêu cầu và xác định cụ thể trong Phụ lục V của Hiệp định VPA/FLEGT).</p>
--	---	--	---



Hình 1. Bảng kê khai để phản ánh rõ hơn quy trình thực hiện trách nhiệm giải trình

5.2 Phân loại rủi ro

Hiệp định VPA/FLEGT quy định gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu phải được khai thác, chế biến, mua bán hợp pháp, và thực hiện quản lý rủi ro theo các yêu cầu về trách nhiệm giải trình, bao gồm các tiêu chí để xác định vùng địa lý rủi ro thấp (“các quốc gia thuộc vùng địa lý tích cực”) và loài rủi ro cao. Bộ NN-PTNT sẽ ban hành văn bản pháp luật xác định các quốc gia thuộc vùng rủi ro thấp và các loài rủi ro cao, đồng thời cập nhật danh sách các quốc gia thuộc vùng rủi ro thấp và các loài rủi ro cao theo các quy trình, thủ tục quy định tại Mục 6.3.7.4 và 6.3.7.5, Phụ lục V của Hiệp định VPA/FLEGT.

Danh sách các quốc gia thuộc vùng tích cực/rủi ro thấp sẽ được xây dựng dựa trên phương pháp đã được xác định và các tiêu chí sau:

- Có hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp và cấp phép FLEGT đang vận hành; hoặc
- Có khung pháp lý quốc gia ràng buộc liên quan đến trách nhiệm giải trình về tính hợp pháp của gỗ cho toàn bộ chuỗi cung ứng tới quốc gia khai thác được Việt Nam công nhận là đã đáp ứng các tiêu chí của Hệ thống VNTLAS; hoặc
- Chỉ số hiệu quả Chính phủ từ 0 trở lên theo xếp hạng hàng năm của Ngân hàng thế giới về chỉ số quản trị toàn cầu (WGI); có hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thực thi CITES được xếp loại I do Ban Thư ký CITES công bố và đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:
 - Quốc gia đã ký hiệp định song phương với Việt Nam về gỗ hợp pháp, được Việt Nam công nhận là đã đáp ứng các tiêu chí của Hệ thống VNTLAS, và hiệp định này đã được công bố; hoặc
 - Quốc gia có hệ thống chứng chỉ gỗ quốc gia bắt buộc được Việt Nam công nhận là đã đáp ứng các tiêu chí của Hệ thống VNTLAS.

Danh sách các quốc gia hoặc vùng địa lý tích cực sẽ được xem xét, điều chỉnh, bổ sung trong quá trình thực thi Hiệp định VPA/FLEGT và do JIC quyết định tại các kỳ họp”.

Danh sách các loài rủi ro cao sẽ được xây dựng dựa trên phương pháp đã được xác định và các tiêu chí sau:

- các loài được liệt kê trong Phụ lục I, II và III của CITES
- các loài có tên trong Nhóm IA và IIA theo quy định của luật pháp quốc gia
- loài lần đầu được nhập khẩu vào Việt Nam

Ngoài ra, JIC sẽ xem xét bổ sung các loài khác vào danh sách các loài rủi ro cao theo đề xuất của Việt Nam hoặc Liên minh Châu Âu và dựa trên nguồn thông tin từ Cơ quan phòng chống ma túy và tội phạm Liên hợp quốc (UNODC), Tổ chức cảnh sát hình sự quốc tế (Interpol), Ban Thư ký CITES hoặc Tổ chức Hải quan thế giới (WCO).

Danh sách các loài rủi ro cao sẽ được xem xét, bổ sung và điều chỉnh trong quá trình thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT và do JIC quyết định tại các kỳ họp.

Bảng 2. Phân loại rủi ro

TIÊU CHÍ	PHÁT HIỆN TRONG QUÁ TRÌNH ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	NHẬN XÉT
<p>2.4.6 / 2.4.8 Tổ chức thực hiện các tiêu chí rủi ro về loài và vùng địa lý</p>	<p>Trách nhiệm của Chính phủ Việt Nam và cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp Các bên đã thống nhất tại Phiên họp JIC-4 rằng Tổ công tác kỹ thuật (TWG) sẽ được thành lập để xây dựng phương pháp và tiêu chí của Hệ thống VNTLAS. Phương pháp và tiêu chí này sẽ được sử dụng để xây dựng danh sách các quốc gia tích cực/rủi ro thấp. Bộ NN-PTNT đã công bố danh sách các quốc gia tích cực/rủi ro thấp (Phụ lục II, Quyết định số 4832/QĐ-BNN-TCLN ngày 27/11/2020). Phương pháp đánh giá hoặc báo cáo đánh giá không được chia sẻ với nhóm tư vấn. Ngoài ra, quyết định của JIC về việc công nhận danh sách các quốc gia tích cực/rủi ro thấp không được cung cấp cho nhóm tư vấn.</p>	<p>Không thể đánh giá được việc thực hiện</p>	<p>Không bắt buộc đánh giá và công nhận các quốc gia có khung pháp lý quốc gia ràng buộc liên quan đến trách nhiệm giải trình cho toàn bộ chuỗi cung ứng tới quốc gia khai thác hoặc hệ thống chứng chỉ quốc gia bắt buộc. Nếu các khung pháp lý hoặc hệ thống nêu trên không được đánh giá bằng phương pháp phù hợp và được Việt Nam công nhận thì các quốc gia có thể được đưa vào danh sách các quốc gia tích cực/rủi ro thấp chỉ dựa vào tiêu chí chỉ số hiệu quả của chính phủ (WGI) và đã ký hiệp định song phương với Việt Nam đáp ứng các tiêu chí của Hệ thống VNTLAS.</p>
	<p>Trách nhiệm của Chính phủ Việt Nam và cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp Bộ NN-PTNT định kỳ công bố danh sách các loài gỗ đã được nhập khẩu vào Việt Nam nhằm mục đích xác định loài mới nhập khẩu; tất cả các loài mới nhập khẩu sẽ được coi là rủi ro cao cho đến lần cập nhật danh sách tiếp theo (cập nhật 6 tháng một lần). Danh sách đầu tiên được công bố theo Quyết định số 4832/QĐ-BNN-TCLN ngày 27/11/2020 và danh</p>	<p>Khoảng trống trong quá trình thực hiện</p>	

	<p>sách cập nhật gần đây nhất được công bố tại Quyết định số 6035/QĐ-BNN-KL ngày 29/12/2023, Phụ lục I.</p> <p>Bộ NN-PTNT chưa ban hành văn bản quy phạm pháp luật về danh mục các loài rủi ro cao dựa trên quyết định của JIC.</p>		
	<p>Trách nhiệm của cơ quan hải quan</p> <p>Cơ quan hải quan đã đưa việc kiểm tra mức độ rủi ro của các lô hàng nhập khẩu vào các quy trình, thủ tục của hải quan.</p>	Đã được thực hiện và áp dụng	-
<p>2.4.6 / 2.4.8</p> <p>Tính hiệu quả và tính tin cậy của các tiêu chí rủi ro về loài và vùng địa lý và kết quả phân loại tương ứng</p>	<p>Các bên tham gia Hiệp định VPA/FLEGT cần xem xét</p> <p>Có hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp và cấp phép FLEGT đang vận hành, có khung pháp lý quốc gia ràng buộc liên quan đến trách nhiệm giải trình cho toàn bộ chuỗi cung ứng, có hiệp định song phương về tính hợp pháp của gỗ với các quốc gia khác, và có hệ thống chứng nhận quốc gia được Việt Nam công nhận là đáp ứng các tiêu chí của VNTLAS đều được xem là các chỉ số có liên quan nhằm chứng minh tính hợp pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp.</p> <p>Tuy nhiên, chỉ số hiệu quả chính phủ theo WGI (<i>"Nhận thức về chất lượng của dịch vụ công, chất lượng của công vụ và mức độ độc lập khỏi áp lực chính trị, chất lượng xây dựng và thực hiện chính sách, và độ tin cậy của cam kết chính phủ đối với các chính sách này"</i>) có thể không chỉ rõ sự tuân thủ pháp luật của ngành lâm nghiệp hoặc sản phẩm gỗ, vì các nguồn đại diện của chỉ số này là các lĩnh vực như giao thông và đường bộ, cung cấp điện, giáo</p>	<p>Thiết kế được đánh giá là hiệu quả và đáng tin cậy (với một số điểm hạn chế liên quan đến sự phù hợp của chỉ số hiệu quả chính phủ theo WGI)</p>	<p>Việc đưa hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp và cấp phép FLEGT đang vận hành vào tiêu chí phân loại quốc gia rủi ro thấp có thể là không cần thiết vì gỗ và sản phẩm gỗ từ các quốc gia này được phép nhập khẩu vào Việt Nam kèm theo Giấy phép FLEGT (xem tài liệu V-Legal của Indonesia).</p> <p>Việc đưa các loài có tên trong Phụ lục I và II của CITES vào tiêu chí phân loại loài rủi ro cao có thể là không cần thiết vì những loài này được phép nhập khẩu vào Việt Nam kèm theo giấy phép nhập khẩu các loài CITES do Cơ</p>

	dục, các dịch vụ/chăm sóc y tế, nước sinh hoạt & vệ sinh.		quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam ban hành.
--	---	--	--

5.3 Kiểm soát và xác minh chuỗi cung ứng gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu tại Việt Nam

Hồ sơ gỗ và sản phẩm gỗ để khai báo nhập khẩu và thông quan (hồ sơ hải quan) gồm có các giấy tờ (bằng chứng xác minh) sau:

- Tờ khai hải quan
- Hợp đồng & hóa đơn mua bán
- Vận đơn (hoặc chứng từ vận chuyển khác)
- Bảng kê lâm sản,
- Giấy phép CITES, Giấy phép FLEGT hoặc Bảng kê khai,
- Chứng nhận kiểm dịch thực vật (nếu cần)

Hiệp định VPA/FLEGT quy định, ngoại trừ giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, cơ quan hải quan cửa khẩu có trách nhiệm ra quyết định phê duyệt hoặc chứng nhận các bằng chứng xác minh chuỗi cung ứng nêu trên. Việc tuân thủ chứng nhận kiểm dịch thực vật với giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu tương ứng được cơ quan kiểm dịch thực vật của Việt Nam phê duyệt.

Sau khi gỗ và sản phẩm gỗ được thông quan và nhập khẩu vào Việt Nam thì phải lập hồ sơ lâm sản cho từng lô gỗ và sản phẩm gỗ tại mỗi điểm kiểm soát quan trọng của chuỗi cung ứng:

- Vận chuyển
- Mua bán
- Chế biến

Bảng kê lâm sản và hóa đơn là những giấy tờ quan trọng để kiểm soát và xác minh sự dịch chuyển và thay đổi quyền sở hữu của gỗ và sản phẩm gỗ, trong khi việc chế biến gỗ và sản phẩm gỗ được kiểm soát và xác minh thông qua sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản¹ và các báo cáo liên quan mà hàng quý doanh nghiệp phải nộp cho cơ quan kiểm lâm sở tại. Hiệp định VPA/FLEGT quy định các cơ quan kiểm lâm chịu trách nhiệm ra quyết định phê duyệt hoặc xác nhận bảng kê lâm sản, sổ theo dõi nhập xuất lâm sản và các báo cáo liên quan. Khi tham gia vào chuỗi cung ứng, cần kiểm tra tính nhất quán giữa thực tế sản phẩm và hồ

¹ Đầu vào – đầu ra (thuật ngữ thay thế)

sơ sản phẩm gỗ. Sau đó, chỉ tiến hành kiểm tra dựa trên rủi ro đối với các sản phẩm thực tế của các loài không nằm trong các phụ lục của CITES.

Phụ lục V của Hiệp định VPA/FLEGT (Mục 12.2.2f) quy định rằng chi cục kiểm lâm tỉnh² có trách nhiệm lưu bằng kê lâm sản, báo cáo nhập xuất lâm sản và các bằng chứng xác minh chuỗi cung ứng khác, đồng thời lập báo cáo tổng hợp định kỳ về tình hình nhập xuất gỗ và sản phẩm gỗ của các cơ sở chế biến. Phụ lục V của Hiệp định VPA/FLEGT (Mục 6.6.2c) quy định thêm rằng các cơ quan kiểm lâm³ có trách nhiệm đối chiếu số liệu định lượng giữa các giai đoạn khác nhau của chuỗi cung ứng:

- Dữ liệu về khối lượng tại các giai đoạn khác nhau của chuỗi cung ứng theo quy định tại Mục 6.2.
- Dữ liệu về khối lượng của người bán với người mua.
- Dữ liệu khai báo của Tổ chức và Hộ gia đình với thực tế lô gỗ.
- Đầu vào và đầu ra tại các khu chế biến.
- Tổ chức và Hộ gia đình khi kiểm tra các luồng gỗ có nghi ngờ.

Trong trường hợp gỗ tròn có đường kính lớn (đường kính từ 25 cm trở lên và chiều dài từ 1 m trở lên) được nhập khẩu mà không có đầy đủ dấu hiệu nhận biết trên sản phẩm, Hiệp định VPA/FLEGT quy định cơ quan kiểm lâm sở tại cần đóng dấu búa lên gỗ và lập biên bản xác nhận đóng dấu búa (xem Bảng 3, sửa đổi quy định pháp luật được đưa ra tại phần các phát hiện trong quá trình đánh giá).

² Mục 6.6.2, Phụ lục V của Hiệp định VPA/FLEGT quy định rằng cơ quan kiểm lâm sở tại chịu trách nhiệm chính trong việc lưu trữ tài liệu.

³ Theo Sơ đồ 6 (lưu trữ và quản lý dữ liệu VNTLAS) trong Phụ lục V của Hiệp định VPA/FLEGT, trách nhiệm thuộc về chi cục kiểm lâm tỉnh và cơ quan kiểm lâm sở tại.

Bảng 3. Kiểm soát và xác minh chuỗi cung ứng của gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu tại Việt Nam

TIÊU CHÍ	PHÁT HIỆN TRONG QUÁ TRÌNH ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	NHẬN XÉT
<p>2.4.1/2.4.2 Xác minh và kiểm soát chuỗi cung ứng gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu</p> <p>Truy xuất nguồn gốc gỗ nhập khẩu trong toàn bộ chuỗi cung ứng</p>	<p>Trách nhiệm của Chính phủ Việt Nam và cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp Nghị định số 102/2020/ND-CP quy định rằng cơ quan hải quan cửa khẩu phải xác nhận vào bảng kê lâm sản nhập khẩu ban đầu đối với gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu.</p> <p>Trách nhiệm của cơ quan hải quan Phát hiện trong quá trình đánh giá cho thấy rằng các cơ quan hải quan cửa khẩu kiểm tra một cách có hệ thống tính đầy đủ của hồ sơ gỗ nhập khẩu. Tuy nhiên, như đã trình bày ở mục 5.1, cơ quan hải quan cửa khẩu chưa xác minh đầy đủ nội dung của Bảng kê khai. Phát hiện trong quá trình đánh giá cũng cho thấy cán bộ hải quan cửa khẩu không phải lúc nào cũng ký vào bảng kê lâm sản nhập khẩu ban đầu đối với gỗ nhập khẩu được thông quan (xem phần phát hiện tại các làng nghề gỗ).</p>	<p>Đã được thực hiện Khoảng trống trong quá trình áp dụng</p>	<p>Những phát hiện không tuân thủ có thể là do sai sót của cá nhân.</p>
	<p>Trách nhiệm của Chính phủ Việt Nam và cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp Nghị định số 102/2020/ND-CP yêu cầu người bán phải cung cấp cho người mua bản sao hồ sơ nhập khẩu tại mỗi giao dịch trong toàn bộ chuỗi cung ứng.</p> <p>Trách nhiệm của doanh nghiệp Các doanh nghiệp quy mô vừa và lớn được khảo sát trong quá trình đánh giá dường như đã lập bảng kê</p>	<p>Đã được thực hiện Khoảng trống trong quá trình áp dụng</p>	<p>Những phát hiện không tuân thủ có thể là do sai sót của cá nhân.</p>

	<p>lâm sản một cách có hệ thống bằng cách trích xuất thông tin từ bảng kê liền kề trước đó.</p> <p>Tuy nhiên, nhóm tư vấn không thấy được bản sao của các bảng kê lâm sản gỗ và Bảng kê khai tại các doanh nghiệp ở các làng nghề gỗ mà nhóm tư vấn đến làm việc tại (các doanh nghiệp này vẫn giữ bản sao tờ khai hải quan gỗ nhập khẩu).</p>		
	<p>Trách nhiệm của cơ quan kiểm lâm</p> <p>Sau khi thông quan, cơ quan kiểm lâm có trách nhiệm kiểm soát và xác minh toàn bộ chuỗi cung ứng gỗ và sản phẩm gỗ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi tham gia vào chuỗi cung ứng, gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu phải được kiểm tra thực tế và phải được xác nhận vào bảng kê gỗ nhập khẩu. Tại các giai đoạn tiếp theo của chuỗi cung ứng, bảng kê lâm sản không cần phải có xác nhận của cơ quan kiểm lâm (trừ các loài thuộc Phụ lục I và II của CITES) - Phát hiện trong quá trình đánh giá chỉ ra rằng chỉ có bảng kê gỗ và sản phẩm gỗ tham gia vào chuỗi cung ứng mới được lưu trữ. <p>Đánh giá cũng nhận thấy chưa yêu cầu phải có báo cáo tổng hợp và việc đối chiếu chỉ giới hạn ở kiểm tra tính nhất quán của bảng kê các loài thuộc CITES và bảng kê của các lô hàng nhập khẩu được chia nhỏ.</p> <p>Quy định pháp luật trong nước liên quan đến thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT không quy định phương pháp cụ thể để đối chiếu khối lượng (xác minh) toàn bộ chuỗi cung ứng giữa điểm đầu vào (như nhập khẩu) và điểm đầu cuối (như xuất khẩu).</p>	<p>Khoảng trống trong quá trình thực hiện và áp dụng</p>	<p>Sau khi nhập khẩu vào Việt Nam, gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu được kiểm soát và xác minh tương tự như gỗ và sản phẩm gỗ trong nước</p> <p>Khả năng truy xuất nguồn gốc tại các cơ sở chế biến phần lớn phụ thuộc vào chất lượng hệ thống nội bộ của các công ty (các công ty đã được chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm có sẵn hệ thống kiểm soát dòng gỗ tại cơ sở chế biến)</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Đối chiếu dựa trên khối lượng (làm thế nào để đối chiếu được số lượng nếu cơ quan kiểm lâm không tổng hợp lại tất cả các bảng kê?) - Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản được thiết kế để thu thập thông tin về gỗ và sản phẩm gỗ mà cơ sở chế biến tiếp nhận và nguyên liệu đầu vào phục vụ chế biến. Hệ số chuyển đổi giữa đầu vào và đầu ra do từng công ty đưa ra trong sổ theo dõi (Làm cách nào để đối chiếu nếu thiếu thông tin liên quan?) <p>Chưa xác định được phương pháp và công cụ mà cơ quan kiểm lâm sử dụng để phân tích thông tin thu thập được trong chuỗi cung ứng.</p>		
	<p>Yêu cầu đóng dấu búa đối với gỗ tròn nhập khẩu không có đủ dấu hiệu nhận biết sản phẩm đã được bãi bỏ trong các văn bản pháp luật của Việt Nam sau này về quản lý và truy xuất nguồn gốc lâm sản (Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT và Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT).</p>	<p>(Khoảng trống trong quá trình thực hiện và áp dụng)</p>	<p>Việc bỏ quy định đóng dấu búa đối với gỗ tròn nhập khẩu được cho là không ảnh hưởng đến chất lượng của việc kiểm soát và xác minh chuỗi cung ứng.</p>
	<p>Các bên tham gia Hiệp định VPA/FLEGT cần xem xét</p> <p>Sau khi triển khai và áp dụng việc phân tích (đặc biệt là đối chiếu) thông tin chuỗi cung ứng đã thu thập được, chất lượng của chức năng xác minh của Hệ thống VNTLAS sẽ được cải thiện đáng kể.</p> <p>Chất lượng của việc xác minh tại các cơ sở chế biến sẽ không hiệu quả theo các định nghĩa hiện hành của Hệ thống VNTLAS; sổ theo dõi nhập xuất lâm sản và các báo cáo có liên quan gửi cho cơ quan kiểm lâm</p>	<p>Cần cải thiện tính hiệu quả và độ tin cậy</p>	<p>-</p>

	<p>chưa đề cập đến tất cả các yếu tố cần thiết cho việc xác minh có hiệu quả:</p> <ul style="list-style-type: none">- Gỡ nhập vào các cơ sở chế biến- đầu vào phục vụ chế biến- đầu ra của việc chế biến- sản phẩm xuất ra khỏi cơ sở chế biến <p>Với những thông tin trên, có thể tính toán được số lưu kho nguyên liệu, tỷ lệ tiêu hao nguyên liệu trong quá trình chế biến và lưu kho sản phẩm đã qua chế biến, đây là những số liệu đầu vào quan trọng để phân tích chuỗi cung ứng (đặc biệt là đối chiếu)</p>		
--	---	--	--

5.4 Cấp phép FLEGT

Hồ sơ xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vào thị trường EU yêu cầu các giấy tờ (bằng chứng xác minh) sau:

- Đơn đề nghị cấp phép FLEGT,
- Hợp đồng & hóa đơn mua bán,
- Bảng kê lâm sản,
- Một hoặc các tài liệu bổ sung khác chứng minh tính hợp pháp của gỗ (theo từng giai đoạn cụ thể của chuỗi cung ứng đối với các nguồn gỗ khác nhau)

Hiệp định VPA/FLEGT quy định hồ sơ lâm sản xin cấp phép FLEGT, bao gồm các yêu cầu chi tiết đối với sản phẩm mẫu và sản phẩm trưng bày, sẽ được Chính phủ Việt Nam quy định cụ thể trong văn bản quy phạm pháp luật về cấp phép FLEGT và ban hành sau khi Hiệp định được ký kết.

Thị trường EU không yêu cầu giấy phép FLEGT đối với gỗ và sản phẩm gỗ có giấy phép CITES do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam cấp. Tuy nhiên, những sản phẩm này phải được xác minh theo yêu cầu của Hệ thống VNTLAS như áp dụng đối với gỗ và các sản phẩm gỗ khác.

Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam cũng là Cơ quan cấp giấy phép FLEGT. Cơ quan này sẽ ra quyết định cấp phép sau khi đã kiểm tra:

- Tình trạng phân loại ECS/OCS của đối tượng xin cấp phép (doanh nghiệp xuất khẩu),
- Tính đầy đủ của hồ sơ lâm sản, bao gồm tính hợp pháp và hợp lệ của các bằng chứng xác minh.
- Cơ quan kiểm lâm thực hiện kiểm tra xác minh nếu cần.

Các doanh nghiệp xuất khẩu được phân loại ECS/OCS nhóm 1 được phép tự xác nhận vào bảng kê lâm sản. Cơ quan kiểm lâm xác nhận vào bảng kê lâm sản và kiểm tra thực tế lâm sản của các doanh nghiệp xuất khẩu khác. Trong trường hợp có nghi ngờ về tính hợp pháp của lâm sản, cơ quan kiểm lâm có thể kiểm tra bất kỳ lô hàng xuất khẩu nào và các hồ sơ liên quan.

Bảng 4. Cấp phép FLEGT

TIÊU CHÍ	PHÁT HIỆN TRONG QUÁ TRÌNH ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	NHẬN XÉT
<p>2.4.2/2.4.3 Truy xuất nguồn gốc gỗ nhập khẩu trong toàn bộ chuỗi cung ứng</p> <p>Xác định gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu trên giấy phép FLEGT</p>	<p>Trách nhiệm của Chính phủ Việt Nam và cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp</p> <p>Việc cấp phép FLEGT vẫn chưa được triển khai hay thử nghiệm trên thực tế. Hơn nữa, các tài liệu bổ sung của hồ sơ lâm sản xuất khẩu cũng chưa được quy định cụ thể (Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT yêu cầu bảng kê lâm sản gốc là một phần trong hồ sơ gỗ).</p> <p>Nhiều doanh nghiệp chế biến mà nhóm tư vấn đến làm việc trong đợt đánh giá này đã có bản sao Bảng kê khai gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu, cho thấy rằng họ có thể xác định được quốc gia khai thác trên đơn xin cấp phép FLEGT nếu có.</p> <p>Các bên tham gia Hiệp định VPA/FLEGT cần xem xét</p> <p>Thiết kế của Hệ thống VNTLAS được cho là phần nào chưa phù hợp trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho truy xuất nguồn gốc và cấp phép FLEGT một cách hiệu quả và đáng tin cậy. Cần bổ sung thêm các thông tin chi tiết về việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> • làm thế nào để xác minh tính nhất quán (khối lượng, loài, sản phẩm) giữa bảng kê lâm sản gốc và các bảng kê lâm sản sau đó, bao gồm bảng kê lâm sản xin cấp phép xuất khẩu/cấp phép FLEGT trong các trường hợp sau: 	<p>Không thể đánh giá được việc thực hiện và áp dụng</p> <p>Cần cải thiện tính hiệu quả và độ tin cậy</p>	<p>Việc thử nghiệm cấp phép FLEGT (“cấp phép thử”) có thể cung cấp thông tin có giá trị về tính sẵn sàng của hệ thống VNTLAS khi triển khai cơ chế cấp phép.</p>

	<ul style="list-style-type: none">○ Bảng kê gốc gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu được chia thành hai lô vận chuyển/mua bán trở lên○ Gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu được chế biến (tính nhất quán về số lượng giữa nguyên liệu và sản phẩm sau chế biến)○ Gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu một phần được lưu kho làm nguyên liệu tại các cơ sở chế biến và một phần được dùng để chế biến (sổ theo dõi nhập xuất lâm sản hiện tại không xác định số liệu nhập kho các sản phẩm đã qua chế biến).○ Các sản phẩm gỗ đã qua chế biến từ nguyên liệu nhập khẩu được lưu kho một phần tại nhà máy và một phần được giao cho khách hàng		
--	--	--	--

5.5 Năng lực và các hệ thống quản lý của Cơ quan xác minh và các chủ thể xác minh

Là một phần trong kế hoạch hoàn thiện thể chế, Hiệp định VPA/FLEGT quy định rằng Chính phủ Việt Nam sẽ ban hành các văn bản pháp luật phù hợp nhằm quy định việc triển khai thực hiện Hệ thống VNTLAS. Theo đó, Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam sẽ xây dựng và ban hành sổ tay hướng dẫn xác minh cho Cơ quan xác minh.

Các cơ quan xác minh, cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương và các cơ quan khác có liên quan đến quá trình thực hiện Hệ thống VNTLAS sẽ được tập huấn và tăng cường năng lực. Các nội dung nằm trong phạm vi của đánh giá này, bao gồm (i) hệ thống kiểm soát chuỗi cung ứng, (ii) xác minh dựa trên rủi ro và (iii) xác định loài gỗ nhập khẩu vào Việt Nam là một trong những lĩnh vực ưu tiên được tăng cường năng lực. Về quản lý thông tin, Hiệp định VPA/FLEGT nhấn mạnh tầm quan trọng của hệ thống quản lý thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc xác minh dựa trên rủi ro và cấp phép FLEGT.

Theo Luật Thanh tra (số 11/2022/QH15), Hệ thống VNTLAS sẽ thực hiện thanh tra, kiểm tra nội bộ (ECS/OCS, kiểm soát và xác minh chuỗi cung ứng và cấp phép FLEGT). Các cơ quan thanh tra chính phủ cấp trung ương, tỉnh, huyện cũng như các đơn vị thanh tra thuộc các Bộ, ngành cấp trung ương, tỉnh, huyện có thể hướng tới áp dụng pháp luật, quy chế và cơ chế quản lý, cũng như thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức và cá nhân thuộc phạm vi quản lý của mình. Thanh tra nội bộ có thể được thực hiện định kỳ theo kế hoạch hoặc đột xuất khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Luật Khiếu nại (số 02/2011/QH13) yêu cầu cơ quan xác minh và các chủ thể xác minh phải có quy trình tiếp nhận và giải quyết khiếu nại từ các tổ chức, cá nhân. Khiếu nại và tố cáo có thể được gửi trực tiếp đến cơ quan xác minh có liên quan hoặc thông qua các hiệp hội ngành gỗ, và các tổ chức chính trị - xã hội.

Quy định chi tiết về Hệ thống VNTLAS của Hiệp định VPA/FLEGT không có cơ chế hoặc tham chiếu pháp lý để xác định và quản lý xung đột lợi ích. Theo quy định pháp luật trong nước, xung đột lợi ích được giải quyết theo quy định của Luật Phòng chống tham nhũng (số 36/2018/QH14).

Bảng 5. Năng lực và các hệ thống quản lý của Cơ quan xác minh và các chủ thể xác minh

TIÊU CHÍ	PHÁT HIỆN TRONG QUÁ TRÌNH ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	NHẬN XÉT
<p>3.1.1 Các cơ quan được giao nhiệm vụ xác minh tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu và kiểm soát chuỗi cung ứng gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu. Quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan này được xác định rõ ràng và công khai.</p>	<p>Trách nhiệm của Chính phủ Việt Nam, Tổng cục Hải quan và cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp Các cơ quan hải quan cửa khẩu thuộc Tổng cục Hải quan có trách nhiệm xác minh tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu vào Việt Nam. Việc xác minh được thực hiện theo các quy trình chung về khai báo hải quan và thông quan.</p>	<p>Đã thực hiện</p>	<p>-</p>
	<p>Trách nhiệm của Chính phủ Việt Nam và cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp Cơ quan kiểm lâm các cấp chịu trách nhiệm xác minh chuỗi cung ứng gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu. Cơ quan kiểm lâm sở tại có trách nhiệm phê duyệt và xác nhận các bằng chứng xác minh, trong khi chi cục kiểm lâm cấp tỉnh lập báo cáo tổng hợp về số liệu nhập xuất lâm sản. Việc xác minh được thực hiện khi kiểm soát và giám sát theo quy định chung đối với các doanh nghiệp thương mại và chế biến gỗ.</p>	<p>Đã thực hiện</p>	<p>-</p>
<p>3.1.2/3.1.3 Nguồn lực và năng lực của các cơ quan xác minh liên quan đến gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu</p>	<p>Trách nhiệm của Chính phủ Việt Nam, Tổng cục Hải quan và cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp Cán bộ hải quan cửa khẩu được giao nhiệm vụ xử lý tờ khai hải quan có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ gỗ nhập khẩu. Các cán bộ này hiện có thể kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ, nhưng không có bằng chứng về</p>	<p>Không thể đánh giá được việc thực hiện</p>	<p>Việc tập huấn cho tất cả các cán bộ xử lý tờ khai hải quan có thể không phải là cách hiệu quả về mặt chi phí để tăng cường năng lực đánh giá tính đầy đủ của trách nhiệm giải trình được thực hiện bởi các</p>

	<p>năng lực xác minh kết quả thực hiện trách nhiệm giải trình (không có kết quả xác minh hoặc quy trình, thủ tục nào được cung cấp).</p> <p>Đã tổ chức tập huấn cho một số cán bộ hải quan về các quy định mới trong quản lý gỗ nhập khẩu, thực hiện trách nhiệm giải trình và hồ sơ gỗ nhập khẩu đối với từng trường hợp cụ thể (có giấy phép CITES, giấy phép FLEGT và Bảng kê khai). Cơ quan kiểm lâm hỗ trợ xác định loài cây, sản phẩm gỗ và kiểm tra thực tế lô hàng.</p>		<p>nhà nhập khẩu và nội dung của Bảng kê khai.</p>
	<p>Trách nhiệm của Chính phủ Việt Nam và cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp</p> <p>Theo Nghị định số 01/2019/NĐ-CP, các cán bộ được phân công về cơ quan kiểm lâm địa phương theo nhu cầu (số lượng hành vi vi phạm công tác quản lý, bảo vệ và khai thác rừng; vận chuyển, mua bán, lưu trữ lâm sản; xác minh nguồn gốc lâm sản từ các cơ sở kinh doanh, chế biến, xuất nhập khẩu). Các phát hiện trong quá trình đánh giá cho thấy kiến thức chuyên môn của cán bộ kiểm lâm ở mức vừa đủ để thực hiện các nhiệm vụ kể trên. Tuy nhiên, đánh giá này không thể xác định được có đủ số lượng cán bộ kiểm lâm để kịp thời thực hiện tất cả các hoạt động kiểm tra cần thiết hay không, hoặc cán bộ kiểm lâm có đủ năng lực chuyên môn để hỗ trợ cơ quan hải quan cửa khẩu trong việc đánh giá việc thực hiện trách nhiệm giải trình đối với gỗ nhập khẩu hay không (Cục Kiểm lâm đã tập huấn cho cán bộ kiểm lâm về xác định loài cây).</p>	<p>Không thể đánh giá được việc thực hiện</p>	<p>Đánh giá nguồn lực và năng lực của các cơ quan kiểm lâm nên xem xét đến tất cả các trách nhiệm của những cơ quan này (gỗ trong nước, gỗ nhập khẩu, động thực vật)</p>

<p>3.1.4 Các hệ thống quản lý của các chủ thể xác minh liên quan đã được xây dựng và áp dụng để đảm bảo tính hiệu quả và tin cậy của hệ thống</p>	<p>Trách nhiệm của Chính phủ Việt Nam, Tổng cục Hải quan và cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp Nghị định số 102/NĐ-CP và các Thông tư của Bộ NN-PTNT quy định nhiệm vụ của các cơ quan hải quan cửa khẩu và cơ quan kiểm lâm, nhưng chưa biên soạn sổ tay xác minh chính thức quy định chi tiết phương pháp xác minh.</p>	<p>Khoảng trống trong quá trình thực hiện và áp dụng</p>	<p>Nên xem xét có cần sổ tay xác minh riêng hay không, nếu các chủ thể xác minh đã có quy trình, thủ tục chính thức bằng văn bản hoặc không bằng văn bản nhằm kiểm soát và xác minh các yêu cầu của chuỗi cung ứng theo quy định của pháp luật có liên quan</p>
	<p>Trách nhiệm của Chính phủ Việt Nam, Tổng cục Hải quan và cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp Các cơ quan hải quan cửa khẩu thực hiện kiểm tra thực tế lô hàng theo hệ thống quản lý rủi ro của hải quan. Các cơ quan này có thể thực hiện thanh tra, kiểm tra ngay tại cửa khẩu và sau khi thông quan. Tuy nhiên, hệ thống quản lý hiện hành của các cơ quan hải quan cửa khẩu chưa đầy đủ để xác minh việc thực hiện trách nhiệm giải trình của các doanh nghiệp nhập khẩu. Cơ quan kiểm lâm sở tại kiểm tra sản phẩm nhập khẩu một cách hệ thống khi các sản phẩm này tham gia vào chuỗi cung ứng. Sau đó, các sản phẩm nhập khẩu sẽ được kiểm tra thực tế nếu có nghi ngờ về tính hợp pháp của sản phẩm.</p>	<p>Được thực hiện và áp dụng rộng rãi (trừ xác minh việc thực hiện trách nhiệm giải trình đối với gỗ nhập khẩu)</p>	<p>Xem xét sự cần thiết của sổ tay xác minh riêng; bổ sung thêm nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra vào bộ các quy trình, thủ tục hiện hành.</p>

	<p>Các loài có tên trong các phụ lục của CITES (Phụ lục I và II) sẽ được kiểm tra một cách hệ thống trong toàn bộ chuỗi cung ứng.</p>		
	<p>Trách nhiệm của Chính phủ Việt Nam, Tổng cục Hải quan và cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp Cơ quan hải quan cửa khẩu hoặc cơ quan kiểm lâm ký và đóng dấu vào bảng kê lâm sản sau khi kiểm tra thực tế lô hàng. Ngay cả khi chưa thực hiện kiểm tra, chi cục kiểm lâm tỉnh vẫn phải lập báo cáo tổng hợp dựa trên sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản. Tuy nhiên, Hệ thống VNTLAS không quy định cần có tất cả hồ sơ trong các hoạt động xác minh dựa trên rủi ro.</p>	<p>Khoảng trống trong quá trình thực hiện và áp dụng</p>	<p>Xem xét sự cần thiết của sổ tay xác minh riêng; bổ sung thêm hồ sơ xác minh vào bộ các quy trình thủ tục hiện hành.</p>
	<p>Trách nhiệm của Chính phủ Việt Nam, Tổng cục Hải quan và cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp Cán bộ hải quan cửa khẩu được tập huấn hàng năm về các quy chế mới liên quan đến xuất, nhập khẩu hàng hóa. Cán bộ kiểm tra thực tế sản phẩm được Cục Kiểm lâm đào tạo. Do tính chất bao quát của công việc hải quan nên không có yêu cầu cụ thể về kỹ năng và kinh nghiệm của cán bộ kiểm tra thực tế gỗ và sản phẩm gỗ cũng như hồ sơ nhập khẩu có liên quan. Đặc biệt, việc kiểm tra nội dung của Bảng kê khai và đánh giá việc thực hiện trách nhiệm</p>	<p>Khoảng trống trong quá trình thực hiện và áp dụng</p>	<p>Xem xét liệu các cơ quan hải quan cửa khẩu có phải là cơ quan phù hợp nhất để xác minh việc thực hiện trách nhiệm giải trình và nội dung của Bảng kê khai hay không.</p>

	giải trình yêu cầu những kỹ năng và kinh nghiệm riêng.		
	<p>Trách nhiệm của Chính phủ Việt Nam / cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp</p> <p>Cơ quan kiểm lâm đưa ra các tiêu chí về trình độ học vấn, kỹ năng và kinh nghiệm cần có đối với cán bộ trong lĩnh vực lâm nghiệp và chế biến gỗ. Các cán bộ này phải được kiểm tra một cách có hệ thống, theo đó cán bộ lâm nghiệp (kiểm lâm) phải tham gia kỳ thi của Bộ Nội vụ và Cục Kiểm lâm để được công nhận là kiểm lâm viên, kiểm lâm viên chính hoặc kiểm lâm viên cao cấp.</p>	Đã thực hiện và áp dụng	
	<p>Trách nhiệm của Chính phủ Việt Nam, Tổng cục Hải quan và cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp</p> <p>Cơ quan hải quan cửa khẩu và cơ quan kiểm lâm phải thực hiện thanh tra, kiểm tra nội bộ theo quy định của Luật Thanh tra. Năm 2022 và 2023, Tổng cục Hải quan phối hợp với Cục Kiểm lâm đã thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác quản lý gỗ nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 102/2020/NĐ-CP. Sau các đợt thanh tra, kiểm tra này, Tổng cục Hải quan đã ban hành ba văn bản tới các cơ quan hải quan cửa khẩu chỉ đạo kiểm tra chặt chẽ Bảng</p>	Đã thực hiện và áp dụng	

	kê khai. Ngoài ra, cán bộ hải quan cửa khẩu được yêu cầu ký xác nhận vào bảng kê gõ nhập khẩu.		
	<p>Trách nhiệm của Chính phủ Việt Nam, Tổng cục Hải quan và cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp</p> <p>Cả cơ quan hải quan cửa khẩu và cơ quan kiểm lâm đều đã lồng ghép các yêu cầu có liên quan của Luật Phòng chống tham nhũng vào hoạt động nội bộ của cơ quan. Các cơ chế kiểm soát xung đột lợi ích được đưa vào báo cáo về các trường hợp nghi ngờ cho cán bộ có thẩm quyền, bao gồm đình chỉ và sắp xếp lại nhân sự.</p>	<p>Đã thực hiện</p> <p>Chưa đánh giá được tình hình áp dụng</p>	<p>Dựa trên trao đổi; các quy trình, thủ tục dưới dạng văn bản hoặc tương đương chưa được xem xét.</p>
	<p>Trách nhiệm của Chính phủ Việt Nam, Tổng cục Hải quan và cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp</p> <p>Các cơ quan kiểm lâm và cơ quan hải quan đã có quy trình công khai về tiếp nhận, xử lý và giải quyết kiếu nại.</p>	<p>Đã thực hiện</p> <p>Chưa đánh giá được tình hình áp dụng</p>	

6. KẾT LUẬN

Việt Nam đã có những nỗ lực đáng kể trong việc triển khai công tác kiểm soát và xác minh tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ có nguồn gốc từ nước ngoài, theo các quy định có liên quan của Hiệp định VPA/FLEGT và Nghị định số 102/2020/NĐ-CP. Các doanh nghiệp nhập khẩu nhận thức được trách nhiệm lập Bảng kê khai về tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ được phép nhập khẩu vào Việt Nam, và đính kèm Bảng kê khai này vào hồ sơ khai hải quan. Các cơ quan hải quan cửa khẩu luôn yêu cầu phải có Bảng kê khai đối với mỗi lô hàng gỗ và sản phẩm gỗ.

Tuy nhiên, các phát hiện trong quá trình đánh giá chỉ ra rằng các doanh nghiệp nhập khẩu được khảo sát trong quá trình đánh giá chưa có đủ kiến thức về thực hiện trách nhiệm giải trình và ghi kết quả thực hiện trách nhiệm giải trình vào Bảng kê khai. Mẫu Bảng kê khai và thực hiện trách nhiệm giải trình chưa rõ ràng hoặc chưa trực quan, Nghị định số 102/2020/NĐ-CP chưa quy định rõ việc thực hiện trách nhiệm giải trình và các bước thực hiện việc này, gồm: (i) thu thập thông tin, (ii) đánh giá rủi ro và (iii) giảm thiểu rủi ro. Rõ ràng, các doanh nghiệp nhập khẩu cần được hướng dẫn và phổ biến thêm thông tin về việc thực hiện trách nhiệm giải trình (đặc biệt là đánh giá rủi ro và các tiêu chí đánh giá rủi ro có liên quan). Mẫu Bảng kê khai cũng cần được sửa đổi; theo đó điều chỉnh cấu trúc của Bảng kê khai để có thể phản ánh rõ hơn các bước thực hiện trách nhiệm giải trình.

Các cơ quan hải quan cửa khẩu xác minh Bảng kê khai theo các quy trình thông thường, đó là kiểm tra tờ khai nhập khẩu và các hồ sơ liên quan. Hiện tại, việc xác minh dường như chỉ giới hạn ở kiểm tra tính chính xác về tình trạng rủi ro của các lô hàng, mà tình trạng rủi ro có thể bị khai báo sai do Văn bản số 655/TCLN-KL hướng dẫn rằng không yêu cầu thông tin về quốc gia khai thác nếu quốc gia xuất khẩu được xác định là vùng địa lý rủi ro thấp. Hơn nữa, các lô hàng đã được thông quan để nhập khẩu vào Việt Nam không có hồ sơ về việc thực hiện trách nhiệm giải trình và bằng chứng thích hợp về tính hợp pháp (“Tài liệu bổ sung”) trong trường hợp từ vùng địa lý rủi ro cao. Tóm lại, cán bộ hải quan cần áp dụng các quy tắc và giới hạn rõ ràng và tương thích với Hiệp định VPA/FLEGT trong việc chấp thuận nội dung cơ bản của Bảng kê khai thể hiện việc thực hiện trách nhiệm giải trình, và cần được tập huấn thêm về kiểm tra Bảng kê khai và đánh giá việc thực hiện trách nhiệm giải trình.

Sau khi thông quan, chuỗi cung ứng gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu được kiểm soát và xác minh tương tự như chuỗi cung ứng gỗ từ các nguồn trong nước. Gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu có thể truy xuất được nguồn gốc vì người bán phải cung cấp cho người mua bản sao

hồ sơ nhập khẩu (bao gồm bảng kê lâm sản và Bảng kê khai hoặc giấy phép CITES). Tuy nhiên, việc quản lý dòng gỗ tại các cơ sở chế biến có thể vẫn cần có các quy định mang tính hệ thống hơn nữa nhằm đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc đáng tin cậy trong quá trình lưu kho nguyên liệu, chế biến và lưu kho các sản phẩm gỗ đã qua chế biến. Nhờ hệ thống chuỗi hành trình sản phẩm đã được bên thứ ba chứng nhận, nhiều doanh nghiệp chế biến gỗ cũng đã xây dựng hệ thống đủ mạnh để chủ động xác định nguyên liệu gỗ và kiểm soát sự chuyển dịch của nguyên liệu tại các khu vực sản xuất.

Các doanh nghiệp xuất khẩu phải chỉ rõ quốc gia khai thác trong hồ sơ gỗ (đơn) xin cấp phép FLEGT cho sản phẩm gỗ. Nếu việc này được tuân thủ trong các giao dịch mua bán, doanh nghiệp xuất khẩu sẽ có quyền truy cập vào thông tin về quốc gia khai thác vì mỗi người mua sẽ được cung cấp một bản sao hồ sơ nhập khẩu. Nhiều trong số các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu mà nhóm tư vấn đã đến làm việc trong đợt đánh giá này đã có sẵn thông tin nguồn cần thiết.

Như đã đề cập ở trên, kết quả đánh giá xác định một số nội dung mang tính hệ thống cần được hoàn thiện, mà dự kiến sẽ được giải quyết trong Nghị định số 102/2020/NĐ-CP sửa đổi và các văn bản pháp luật khác nhằm nâng cao tính hiệu quả và độ tin cậy của Hệ thống VNTLAS. Ngoài ra, cũng phải thừa nhận rằng việc xây dựng thêm các thông số kỹ thuật để kiểm soát và xác minh chuỗi cung ứng gỗ, như được đề cập trong đánh giá này nhìn từ góc độ gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu, sẽ đòi hỏi cách tiếp cận toàn diện hơn. Một số nội dung cần hoàn thiện bao gồm, thiết lập hệ thống lưu trữ hồ sơ chuỗi cung ứng (bảng chứng xác minh) và thiết kế báo cáo tổng hợp tình hình nhập, xuất lâm sản tại các cơ sở chế biến, cũng như các quy trình đối chiếu dữ liệu định lượng giữa các giai đoạn của chuỗi cung ứng. Quan trọng là phải có sẵn các công cụ quản lý thông tin dưới dạng điện tử, cho phép phân tích và sử dụng có hiệu quả dữ liệu chuỗi cung ứng phục vụ mục đích xác minh và các mục đích khác.

Việc thử nghiệm xác minh sản phẩm gỗ xuất khẩu và cấp phép FLEGT dự kiến sẽ đặt ra một số vấn đề cần xem xét trong quá trình hoàn thiện hệ thống luật pháp và các quy trình, thủ tục trong nước nhằm kiểm soát và xác minh chuỗi cung ứng gỗ và sản phẩm gỗ, cũng như quy trình, thủ tục xin và cấp giấy phép FLEGT. Việc cấp phép thử nên áp dụng cho các nguồn gỗ khác nhau, bao gồm gỗ nhập khẩu; các sản phẩm khác nhau, bao gồm sản phẩm hỗn hợp; và các loại chuỗi cung ứng khác nhau, bao gồm các doanh nghiệp thương mại và các cơ sở chế biến.

Phụ lục 1. Nội dung đánh giá

STT	TIÊU CHÍ	CHỈ SỐ
TÍNH HỢP PHÁP CỦA GỖ NHẬP KHẨU VÀO VIỆT NAM		
2.4.4	Bảng chứng cần thiết để chứng minh gỗ nhập khẩu được sản xuất hợp pháp tại quốc gia khai thác	Giấy phép CITES (Giấy phép nhập khẩu trên cơ sở Giấy phép xuất khẩu hoặc Chứng nhận tái xuất khẩu) Giấy phép FLEGT hoặc tương đương chứng minh tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ từ một quốc gia VPA có hệ thống cấp phép FLEGT đang hoạt động (sau đây gọi là giấy phép FLEGT) Bảng kê khai chứng minh việc hoàn thành trách nhiệm giải trình
2.4.4 2.4.8	Thực hiện kiểm soát dựa trên rủi ro tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu thông qua giấy phép CITES hoặc giấy phép FLEGT	Sử dụng giấy phép CITES và giấy phép FLEGT làm bằng chứng chứng minh tính hợp pháp trong luật pháp quốc gia (cách tiếp cận rủi ro thấp) Thực hiện kiểm soát và xác minh tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ thông qua giấy phép CITES và giấy phép FLEGT (cách tiếp cận rủi ro thấp)
	Sử dụng giấy phép CITES hoặc giấy phép FLEGT để chứng minh tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu	Số lượng các lô hàng có giấy phép CITES, tỷ trọng trong tổng số các lô hàng gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu Số lượng các lô hàng có giấy phép FLEGT, tỷ trọng trong tổng số các lô hàng gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu
	Tính hiệu quả và tính tin cậy của giấy phép CITES và giấy phép FLEGT khi chứng minh tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu	Độ tin cậy của giấy phép CITES được coi là bằng chứng đầy đủ về tính hợp pháp Độ tin cậy của giấy phép FLEGT được coi là bằng chứng đầy đủ về tính hợp pháp

2.4.5	Thực hiện:	Thực hiện các yêu cầu về trách nhiệm giải trình và kê khai, bao gồm tính
2.4.8	Các yêu cầu về trách nhiệm giải trình và kê khai	sẵn có của văn bản pháp luật liên quan
		Đánh giá các hệ thống chứng chỉ được Hệ thống VNTLAS công nhận theo rủi ro vùng địa lý
		<ul style="list-style-type: none"> - Các tiêu chí đánh giá - Phương pháp đánh giá
		Việt Nam có danh sách các hệ thống chứng chỉ quốc gia hoặc tự nguyện đáp ứng tiêu chí của Hệ thống VNTLAS (các rủi ro liên quan đến nguồn gốc của gỗ nhập khẩu)
		Tính sẵn có của mẫu kê khai chuẩn, bao gồm các nội dung:
		<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả lô hàng - Tình trạng rủi ro của lô hàng - Bảng chứng về tính tuân thủ - Thông tin về quá trình thực hiện trách nhiệm giải trình
		Hướng dẫn về tài liệu bổ sung thay thế
		Phổ biến thông tin và truyền thông về quá trình thực hiện trách nhiệm giải trình và sử dụng bảng kê khai
		Đào tạo, tập huấn và nâng cao năng lực
	Triển khai:	Thực hiện trách nhiệm giải trình và kê khai
	Nhà nhập khẩu thực hiện trách nhiệm giải trình một cách hệ thống và thực hiện kê khai đối với lô hàng không có giấy phép CITES hoặc giấy phép FLEGT	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng các lô hàng, tỷ trọng trong tổng số các lô hàng gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu (dựa trên các hệ thống thông tin của chính phủ) - Kết quả từ các nhà nhập khẩu được lấy mẫu (xem phía dưới)
		Nhà nhập khẩu thực hiện trách nhiệm giải trình, bao gồm thu thập các thông tin pháp lý sau tại quốc gia khai thác:

		<ul style="list-style-type: none"> - Quyền khai thác (trao quyền khai thác và tuân thủ pháp luật và quy trình thủ tục về giao đất giao rừng, quyền sử dụng đất và sử dụng rừng) - Các hoạt động lâm nghiệp (quản lý rừng, chế biến gỗ, tuân thủ quy định pháp luật về môi trường và lao động) - Thuế và các loại phí (thuế, các loại phí và lệ phí có liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác và thương mại gỗ) - Thương mại và hải quan (tuân thủ quy định pháp luật về thương mại và thủ tục hải quan)
		<p>Bảng kê khai và/hoặc tài liệu hỗ trợ do nhà nhập khẩu chuẩn bị, bao gồm hồ sơ phù hợp về các bước sau của quá trình thực hiện trách nhiệm giải trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu thập thông tin (các yêu cầu pháp lý và tài liệu chứng minh tuân thủ pháp luật) - Đánh giá rủi ro - Giảm thiểu rủi ro (nếu xác định được rủi ro)
		<p>Bảng kê khai có nêu rõ tình trạng rủi ro của lô hàng nhập khẩu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loài rủi ro thấp và vùng địa lý tích cực - Loài rủi ro cao và/hoặc vùng địa lý không tích cực
		<p>Tài liệu bổ sung đính kèm với Bảng kê khai nếu lô hàng có chứa gỗ thuộc loài rủi ro cao và/hoặc từ vùng địa lý không tích cực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ tự nguyện hoặc chứng chỉ quốc gia được Hệ thống VNTLAS công nhận hoặc - Giấy phép/tài liệu khai thác hoặc - Tài liệu bổ sung thay thế

		<ul style="list-style-type: none"> - Các biện pháp bổ sung nhằm giảm thiểu rủi ro (thông tin về các yêu cầu luật pháp, xác định rủi ro và giảm thiểu rủi ro)
	Tính hiệu quả và tính tin cậy của việc thực hiện trách nhiệm giải trình và khai báo	<p>Khả năng áp dụng Bảng kê khai, đặc biệt là để báo cáo việc thực hiện trách nhiệm giải trình</p> <p>Phân loại rủi ro (loài và vùng địa lý) và mức độ liên quan của các loại rủi ro trong thực hiện trách nhiệm giải trình</p> <p>Hệ thống chứng chỉ tự nguyện hoặc chứng chỉ quốc gia được Việt Nam công nhận là đáp ứng các tiêu chí của Hệ thống VNTLAS</p> <p>Tài liệu khai thác hợp pháp</p> <p>Tài liệu bổ sung thay thế</p> <p>Các biện pháp giảm thiểu rủi ro thay thế</p>
2.4.7	Triển khai và áp dụng:	Quy định, thủ tục để đưa Bảng kê khai, giấy phép CITES hoặc giấy phép FLEGT vào hồ sơ hải quan bắt buộc đối với sản phẩm có mã HS liên quan
2.4.8	Xác minh tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu sử dụng Bảng kê khai, giấy phép CITES và giấy phép FLEGT.	<p>Sự chuẩn bị của hệ thống hải quan điện tử để yêu cầu và bổ sung Bảng kê khai, giấy phép CITES hoặc giấy phép FLEGT vào hồ sơ hải quan bắt buộc đối với sản phẩm có mã HS liên quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảnh báo thiếu hồ sơ/giấy tờ - Không cho phép khai báo hải quan nếu thiếu hồ sơ/giấy tờ cần thiết
2.4.9		<p>Sử dụng hệ thống (đánh giá) quản lý rủi ro của hải quan để xác minh tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ khai báo nhập khẩu vào Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra chi tiết hồ sơ nhập khẩu (đặc biệt là Bảng kê khai) - Kiểm tra thực tế gỗ và sản phẩm gỗ

		Cơ chế điều phối và phối hợp giữa cơ quan hải quan và cơ quan kiểm lâm trong việc kiểm tra hồ sơ chứng minh sự tuân thủ pháp luật và kiểm tra thực tế gỗ và sản phẩm gỗ
	Tính hiệu quả và tính tin cậy của các chủ thể xác minh trong việc thực hiện xác minh tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ khai báo nhập khẩu vào Việt Nam	Tần suất và mức độ kiểm tra hồ sơ nhập khẩu
		Tần suất và mức độ kiểm tra thực tế sản phẩm
2.4.6 2.4.8	Thực hiện và vận hành các tiêu chí rủi ro về loài và vùng địa lý	Việt Nam có danh sách các loài rủi ro cao được Ủy ban thực thi chung (JIC) công nhận
		Việt Nam có danh sách các quốc gia/vùng địa lý tích cực/rủi ro thấp; JIC đã công nhận tiêu chí và phương pháp được sử dụng để lập danh sách các quốc gia tích cực/rủi ro thấp
		Cơ quan hải quan đã đưa phân loại rủi ro vào các quy trình, thủ tục của mình (về nghĩa vụ của nhà nhập khẩu liên quan đến tài liệu bổ sung trong Bảng kê khai)
	Tính hiệu quả và tính tin cậy của các tiêu chí rủi ro về loài và vùng địa lý và kết quả phân loại tương ứng	Các tiêu chí và phương pháp phân loại loài rủi ro cao <ul style="list-style-type: none"> - Loài thuộc Phụ lục I, II, III của CITES - Loài thuộc Nhóm IA và IIA theo quy định pháp luật Việt Nam - Loài bị buôn bán trái phép được ghi nhận trong cơ sở dữ liệu vi phạm của Cục Kiểm lâm - Loài bị buôn bán trái phép được ghi nhận trong cơ sở dữ liệu của hải quan - Loài lần đầu được nhập khẩu vào Việt Nam - Các loài khác được JIC quyết định
		Tiêu chí và phương pháp phân loại vùng địa lý rủi ro thấp (và rủi ro cao)

		<p>Có hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp và cơ chế cấp phép FLEGT đang vận hành, hoặc</p> <p>Có khung pháp lý quốc gia ràng buộc liên quan đến trách nhiệm giải trình về tính hợp pháp của gỗ cho toàn bộ chuỗi cung ứng và được Hệ thống VNTLAS công nhận</p> <p>Có chỉ số quản trị toàn cầu của Ngân hàng thế giới lớn hơn hoặc bằng 0, hoặc việc thực hiện CITES được xếp hạng ở mức I và</p> <p>Có hiệp định song phương về gỗ hợp pháp và hiệp định này đã được công bố, hoặc</p> <p>Có hệ thống chứng chỉ gỗ quốc gia được Việt Nam công nhận</p>
--	--	---

KIỂM SOÁT VÀ XÁC MINH CHUỖI CUNG ỨNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ NHẬP KHẨU TẠI VIỆT NAM, BAO GỒM ĐIỂM KIỂM SOÁT NHẬP KHẨU CỦA HẢI QUAN		
2.4.1	Triển khai:	Thực hiện xác minh một cách hệ thống gỗ và sản phẩm gỗ được phép nhập khẩu vào Việt Nam và hồ sơ nhập khẩu liên quan (các cơ quan hải quan cửa khẩu)
2.4.2	Xác minh và kiểm soát chuỗi cung ứng gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu	Thực hiện xác minh một cách hệ thống hồ sơ sản phẩm gỗ (bằng chứng liên quan đến chuỗi cung ứng)
	Truy xuất nguồn gốc gỗ nhập khẩu trong toàn bộ chuỗi cung ứng	Thực hiện xác minh một cách hệ thống đầu vào và đầu ra tại các cơ sở chế biến (báo cáo tổng hợp đầu vào – đầu ra)
		<p>Các bằng chứng liên quan đến kiểm soát chuỗi cung ứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai hải quan, - Hợp đồng và hóa đơn mua bán, - Vận đơn (hoặc chứng từ vận chuyển khác), - Bảng kê gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu, - Giấy phép CITES, giấy pháp FLEGT hoặc Bảng kê khai,

		<ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận kiểm dịch thực vật (nếu cần) - Bảng kê cho từng lần vận chuyển, - Hóa đơn cho mỗi lần chuyển quyền sở hữu, - Sổ theo dõi nhập xuất tại các cơ sở chế biến, - Các bằng chứng khác
		<p>Xác minh của các cơ quan hải quan cửa khẩu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra hồ sơ nhập khẩu - Kiểm tra thực tế sản phẩm
		<p>Xác minh của các cơ quan kiểm lâm cấp tỉnh hoặc địa phương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra các bằng chứng liên quan đến kiểm soát chuỗi cung ứng - Kiểm tra thực tế sản phẩm
	<p>Tính hiệu quả và tính tin cậy của xác minh và kiểm soát chuỗi cung ứng, và phương pháp đảm bảo truy xuất nguồn gốc</p>	<p>Cơ chế kiểm soát và xác minh hoạt động vận chuyển và thương mại, đối chiếu dữ liệu định lượng</p>
		<p>Cơ chế kiểm soát và xác minh dòng gỗ tại các cơ sở chế biến (bao gồm truy xuất và xác định gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu), đối chiếu dữ liệu định lượng</p>
XUẤT KHẨU SẢN PHẨM GỖ CÓ CHỨA GỖ CÓ NGUỒN GỐC NGOÀI VIỆT NAM		
2.4.2	Triển khai:	<p>Thực hiện xác minh hồ sơ lâm sản xuất khẩu bởi cơ quan hải quan cửa khẩu đối với các thị trường ngoài EU hoặc bởi Cơ quan cấp phép (Cơ quan quản lý CITES) đối với thị trường EU và bởi các chủ thể xác minh khác</p>
2.4.3	Kiểm soát và xác minh sản phẩm gỗ xuất khẩu	
	<p>Xác định gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu trên giấy phép FLEGT hoặc các giấy phép xuất khẩu khác từ Việt Nam</p>	<p>Thực hiện kiểm tra bổ sung, bao gồm kiểm tra thực tế, bởi cơ quan kiểm lâm/Cơ quan xác minh</p>
		<p>Thực hiện/thử nghiệm cấp giấy phép FLEGT hoặc các giấy phép xuất khẩu khác</p>
	Áp dụng:	<p>Các bằng chứng liên quan đến kiểm soát chuỗi cung ứng:</p>

	Kiểm soát và xác minh sản phẩm gỗ xuất khẩu	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai hải quan, - Hợp đồng và hóa đơn mua bán, - Vận đơn (hoặc chứng từ vận chuyển khác), - Bảng kê gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu, - Giấy phép CITES, giấy phép FLEGT hoặc Bảng kê khai, - Bảng kê cho từng lần vận chuyển, - Hóa đơn cho mỗi lần chuyển quyền sở hữu, - Sổ theo dõi nhập xuất tại các cơ sở chế biến,
	Xác định gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu trên giấy phép FLEGT hoặc các giấy phép xuất khẩu khác từ Việt Nam	Kiểm tra hồ sơ xuất khẩu bởi cơ quan hải quan cửa khẩu đối với thị trường ngoài EU hoặc bởi Cơ quan cấp phép (Cơ quan quản lý CITES) đối với thị trường EU và bởi các chủ thể xác minh khác
		Thực hiện kiểm tra bổ sung, bao gồm kiểm tra thực tế sản phẩm, bởi Cơ quan xác minh và các chủ thể xác minh khác
		Cấp giấy phép FLEGT hoặc các giấy phép xuất khẩu khác giúp xác định quốc gia khai thác
	Tính hiệu quả và tính tin cậy của kiểm soát và xác minh sản phẩm gỗ xuất khẩu và xác định quốc gia khai thác	Cơ chế xác minh tính hợp pháp của sản phẩm gỗ xuất khẩu, đối chiếu dữ liệu định lượng trong toàn bộ chuỗi cung ứng
		Phương pháp xác định và thông báo về quốc gia khai thác của sản phẩm gỗ xuất khẩu
NĂNG LỰC VÀ CÁC HỆ THỐNG QUẢN LÝ CỦA CƠ QUAN XÁC MINH VÀ CÁC CHỦ THỂ XÁC MINH KHÁC (LIÊN QUAN ĐẾN GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ NHẬP KHẨU)		
3.1.1	Các cơ quan được giao nhiệm vụ xác minh tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu và kiểm soát chuỗi cung ứng gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu. Quyền hạn và	Các chủ thể xác minh cấp vùng, tỉnh và địa phương về tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu vào Việt Nam
		Các chủ thể xác minh cấp vùng, tỉnh và địa phương về kiểm soát chuỗi cung ứng (gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu)

	trách nhiệm của các cơ quan này được xác định rõ ràng và công khai.	
3.1.2	Nguồn lực và năng lực của các cơ quan xác minh liên quan đến gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu	Cơ quan xác minh
3.1.3		Năng lực/kỹ năng của cán bộ hải quan để đánh giá tài liệu khai thác hợp pháp và các tài liệu thay thế được sử dụng để chứng minh tính tuân thủ pháp luật Các khóa đào tạo được tổ chức
		Năng lực/kỹ năng của của cán bộ các cơ quan kiểm lâm để đánh giá tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ Các khóa đào tạo được tổ chức
3.1.4	Các hệ thống quản lý của các chủ thể xác minh liên quan đã được xây dựng và áp dụng để đảm bảo tính hiệu quả, hiệu suất và tin cậy của hệ thống	Các phương pháp xác minh đã được xác định
		Các phương pháp xác minh bao gồm <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thực tế - Kiểm tra tại chỗ tại các giai đoạn khác nhau của chuỗi cung ứng
		Tài liệu đầy đủ về các hoạt động và kết quả xác minh
		Kỹ năng và kinh nghiệm của cán bộ xác minh đã được xác định và tài liệu hóa
		Kỹ năng và kinh nghiệm của cán bộ xác minh được kiểm soát một cách hệ thống
		Áp dụng kiểm tra/kiểm soát nội bộ nhằm đảm bảo rằng hệ thống thực hiện đầy đủ chức năng <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình, thủ tục kiểm tra/kiểm soát nội bộ - Hồ sơ về các hoạt động kiểm tra/kiểm soát nội bộ đã thực hiện
		Cơ chế kiểm soát xung đột lợi ích đã được xác định
	Hệ thống quản lý khiếu nại được công bố công khai	

Phụ lục 2. Chương trình làm việc

Thời gian	Địa điểm	Nội dung công việc
4-15/3	Tại nhà	Dự thảo phương pháp đánh giá và kế hoạch làm việc, Gửi dự thảo phương pháp đánh giá và kế hoạch làm việc cho Cục Kiểm lâm, GIZ và EFI xem xét và góp ý
25-26/3	Tại nhà	Hoàn thiện phương pháp đánh giá và kế hoạch làm việc
27/3	Trực tuyến	Họp trao đổi về phương pháp đánh giá và kế hoạch làm việc
15/4	Hà Nội	Sáng: <i>Họp khởi động</i> với GIZ, EFI, và Cục Kiểm lâm về phương pháp đánh giá và kế hoạch làm việc
		Chiều: <i>Họp với Cục kiểm lâm:</i> Thực hiện Nghị định 102/2020 về quản lý gỗ nhập khẩu, Bảng kê khai, rủi ro về loài và vùng địa lý, kiểm soát chuỗi cung ứng và truy xuất nguồn gốc, chứng nhận bảng kê, sự phối hợp giữa Cục Kiểm lâm và Hải quan trong quản lý gỗ nhập khẩu, cơ sở dữ liệu về các hành vi vi phạm pháp luật và quy định trong lĩnh vực lâm nghiệp, kiểm soát nội bộ, quản lý hệ thống, OCS/ECS.
16/4	Hà Nội và gần Hà Nội	Sáng: <i>Họp với Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt nam (VIFOREST):</i> Hỗ trợ mà VIFOREST nhận được để hỗ trợ các thành viên thực hiện trách nhiệm giải trình đối với gỗ nhập khẩu theo Nghị định 102; chia sẻ thông tin giữa người bán và người mua liên quan đến gỗ nhập khẩu, các nội dung về năng lực thực hiện. <i>Thăm quan làng nghề gỗ Hữu Bằng:</i> Trách nhiệm giải trình, Bảng kê khai, kiểm soát chuỗi cung ứng, sổ theo dõi xuất nhập, hồ sơ xuất khẩu, đào tạo, tập huấn.
		Chiều: <i>Thăm quan làng nghề gỗ Vạn Điểm:</i> Trách nhiệm giải trình, Bảng kê khai, kiểm soát chuỗi cung ứng, sổ theo dõi xuất nhập, hồ sơ xuất khẩu, đào tạo, tập huấn.
17/4	Hà Nội	Sáng: <i>Làm việc với Tổng cục Hải quan:</i> hệ thống phân loại rủi ro của hải quan, hệ thống hải quan điện tử, thủ tục hải quan và bảng kê khai gỗ và sản phẩm gỗ theo Nghị định 102/2020, hệ thống kiểm soát nội bộ của hải quan, phối hợp với cơ quan kiểm lâm và

		<p>Cơ quan Quản lý CITES về quản lý gỗ nhập khẩu, năng lực của cán bộ hải quan. Các vấn đề liên quan đến kiểm tra bảng kê khai (Mẫu 03) và xác nhận bảng kê gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu (Mẫu 01 và 02)</p> <p>Chiều: <i>Họp với Cơ quan Quản lý CITES về:</i> Thực hiện công ước CITES tại Việt Nam, quy trình thủ tục cấp giấy phép CITES cho nhập khẩu và xuất khẩu, xác minh và kiểm soát gỗ nhập khẩu thông qua giấy phép CITES; xây dựng và thử nghiệm cơ sở dữ liệu cấp phép FLEGT, năng lực của cơ quan CITES trong thực hiện Công ước CITES và cấp phép FLEGT.</p>
18 -20/4	Hà Nội	Họp nội bộ nhóm đánh giá, rà soát báo cáo và kết quả đánh giá, chuẩn bị đi khảo sát hiện trường
21/4	Hà Nội – Đà Nẵng	Di chuyển đi Đà Nẵng
22/4	Đà Nẵng	<p>Sáng: <i>Họp với Chi cục Hải quan Cửa khẩu cảng Đà Nẵng về:</i> Bảng kê khai (Mẫu 03) của nhà nhập khẩu và hồ sơ nhập khẩu, kiểm tra hồ sơ và thực tế lô hàng, hệ thống quản lý nội bộ, các vấn đề liên quan đến kiểm tra Bảng kê khai (Mẫu 03) và xác nhận bảng kê gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu (Mẫu 01 và 02), nội dung về năng lực thực hiện.</p> <p>Chiều: <i>Họp với Chi cục Kiểm lâm Đà Nẵng về:</i> Xác minh kiểm soát chuỗi cung ứng đối với cả gỗ nhập khẩu và gỗ trong nước, kiểm tra sổ theo dõi xuất-nhập, chứng nhận bảng kê, hệ thống quản lý nội bộ, OCS/ECS, và các nội dung về năng lực thực hiện.</p>
23/4	Đà Nẵng	<p>Sáng: <i>Làm việc với Công ty Cổ phần Lâm sản Xuất khẩu Đà Nẵng và Công ty Vinafor Đà Nẵng về:</i> Trách nhiệm giải trình, bảng kê khai, kiểm soát chuỗi cung ứng, sổ theo dõi xuất – nhập, hồ sơ xuất khẩu.</p> <p>Chiều: <i>Làm việc với Công ty TNHH Thương Mại IFC Đà Nẵng về:</i> Trách nhiệm giải trình, bảng kê khai, hồ sơ nhập khẩu, kiểm soát chuỗi cung ứng, sổ theo dõi xuất – nhập, hồ sơ xuất khẩu.</p> <p>Di chuyển đến TP Hồ Chí Minh</p>
24/4	TP. Hồ Chí Minh	<p>Sáng: <i>Làm việc với Chi cục Hải quan cảng Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh về:</i> tờ khai và hồ sơ nhập khẩu, bảng kê khai, gỗ nhập khẩu thông qua giấy phép CITES, thanh tra, kiểm tra, hệ thống quản lý nội bộ, các vấn đề về năng lực.</p> <p>Chiều: <i>Làm việc với HAWA và các nhà nhập khẩu (Công ty Mỹ Đức) về:</i> Trách nhiệm giải trình, bảng kê</p>

		khai, hồ sơ nhập khẩu, các tài liệu cần có khi mua, bán gỗ nhập khẩu, đào tạo và các công cụ chia sẻ thông tin do HAWA (HAWA DDS) cung cấp cho các thành viên.
25/4	Đồng Nai/Bình Dương	<p>Di chuyển đến Đồng Nai</p> <p>Sáng: <i>Họp với Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đồng Nai và Trạm kiểm lâm Thị xã Biên Hòa về:</i> Xác minh kiểm soát chuỗi cung ứng đối, chứng nhận bảng kê gỗ nhập khẩu, hệ thống quản lý nội bộ, và các nội dung về năng lực.</p> <p>Chiều: <i>Họp với Hiệp hội Gỗ và Thủ công mỹ nghệ Đồng Nai (DOWA), Công ty TNHH Hòa Bình và Công ty Gỗ Phát Lộc, tỉnh Đồng Nai về:</i> Trách nhiệm giải trình, bảng kê khai, hồ sơ nhập khẩu, các tài liệu cần có khi mua, bán gỗ nhập khẩu, kiểm soát chuỗi cung ứng, hồ sơ xuất khẩu.</p> <p>Di chuyển về Hà Nội</p>
26/4	Hà Nội	<p>Sáng: Chuẩn bị cho họp báo cáo sơ bộ</p> <p>Chiều: Họp báo cáo sơ bộ: Trình bày kết quả đánh giá sơ bộ cho các bên liên quan (Phái đoàn EU, GIZ, EFI, Cục Kiểm lâm, Hải quan và Tổng cục Lâm nghiệp)</p>
29/4-12/5	Tại nhà	<p>Chuẩn bị dự thảo báo cáo đánh giá</p> <p>Gửi dự thảo báo cáo đánh giá cho các bên liên quan</p>
13-25/5		Cục Kiểm lâm, GIZ, EFI xem xét và góp ý cho dự thảo báo cáo đánh giá (ý kiến góp ý được tổng hợp trong một tài liệu)
20/5	Trực tuyến	Họp với Cục Kiểm lâm, GIZ, EFI về dự thảo báo cáo đánh giá (nếu cần)
27/5		Nhận ý kiến góp ý về dự thảo báo cáo đánh giá từ Cục Kiểm lâm, GIZ, EFI